

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đỗ Tường Hiệp - Bùi Mạnh Hùng (Đồng Tổng Chủ biên)
Đỗ Thị Minh Chính - Nguyễn Đình Cử - Đoàn Thị Thuý Hạnh
Trần Thị Hà Giang - Bùi Quang Thành - Trịnh Đình Tùng (Đồng Chủ biên)
Phạm Đức Anh - Nguyễn Trọng Đặng - Võ Thanh Hà - Nguyễn Thị Thanh Hải
Đỗ Thị Nga - Lê Văn Nhất - Chu Văn Phái - Vũ Văn Quân - Huỳnh Ngọc La Sơn
Lương Thanh Sơn - Lê Thị Thảo - Bùi Thanh Thủy - Phí Công Việt - Phan Văn Xuân

TÀI LIỆU

Giáo dục địa phương

TỈNH ĐẮK LẮK

Lớp **7**

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm giới thiệu cho học sinh những hiểu biết về địa phương, nơi các em đang sinh sống. Từ đó, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương đất nước; tự hào và có ý thức tìm hiểu, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá của quê hương Đắk Lắk. Thông qua những bài học sinh động, gắn gũi với cuộc sống diễn ra xung quanh, các em có thể gắn kết và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk lớp 7 gồm 13 bài học được biên soạn theo hướng tích hợp các lĩnh vực: văn hoá, lịch sử; địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; chính trị - xã hội, môi trường. Mỗi bài học được thiết kế gồm các phần: Mở đầu, Kiến thức mới, Luyện tập và Vận dụng.

Dưới sự hướng dẫn của các thầy, cô giáo, các em hãy tích cực học tập và trải nghiệm để hiểu biết thêm về nơi mình sinh sống, đồng thời thêm yêu mến và gắn bó với quê hương mình.

Chúc các em có những giờ học, hoạt động trải nghiệm thật thú vị và bổ ích với *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk lớp 7*.

CÁC TÁC GIẢ



Mục lục

PHẦN I. VĂN HOÁ, LỊCH SỬ

Bài 1.	Đắk Lắk từ thế kỉ X đến thế kỉ XV	6
Bài 2.	Tháp Yang Prong	11
Bài 3.	Lời nói vắn	14
Bài 4.	Nhạc cụ truyền thống của người Êđê và người Mnông ở Đắk Lắk.....	18
Bài 5.	Văn hoá ẩm thực của một số dân tộc ở Đắk Lắk.....	25

PHẦN II. ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP

Bài 6.	Dân số tỉnh Đắk Lắk	33
Bài 7.	Cộng đồng các dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk.....	38
Bài 8.	Lao động và việc làm ở Đắk Lắk	41
Bài 9.	Lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với các ngành nghề ở địa phương	46
Bài 10.	Giới thiệu về ngành trồng cây công nghiệp và ngành lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk	52

PHẦN III. CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Bài 11.	Đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.....	62
Bài 12.	Bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Đắk Lắk	69

Hướng dẫn sử dụng sách

Mở đầu: Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.

Bài 1

ĐẮK LẮK TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XV

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được kiến thức về thành phần dân tộc và cấu trúc gia đình truyền thống ở Đăk Lăk trong giai đoạn từ thế kỉ X - XV.
- Phân biệt được khu vực cư trú và sinh tồn của các dân tộc ở Đăk Lăk trong giai đoạn từ thế kỉ X - XV.
- Trình bày được các hoạt động kinh tế và đời sống tinh thần của các dân tộc ở Đăk Lăk giai đoạn từ thế kỉ X - XV.

MỞ ĐẦU

Chia sẻ những điều em biết về Đăk Lăk theo các nội dung sau:

Tên gọi của các dân tộc tại chỗ

Văn hoá truyền thống

Gia đình truyền thống

Sản vật khai thác từ rừng

ĐẮK LẮK

Kiến thức mới

I. THÀNH PHẦN DÂN TỘC VÀ GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG Ở ĐẮK LẮK

Trong 10 thế kỉ đầu sau Công nguyên, Tây Nguyên là nơi diễn ra các quá trình hình thành và cổ kết tộc người. Đến thế kỉ XV, cộng đồng cư dân Tây Nguyên hình thành các thành phần dân tộc nói ngôn ngữ Nam Á và Nam Đảo. Thành phần dân tộc nói ngôn ngữ Nam Đảo được xác định là Jrai, Edê, Churu, Raglai; các thành phần dân tộc nói ngôn ngữ Nam Á được xác định là Xê Đăng, Bahnar, Mạ, Mnông, Coho. Họ được xem là cư dân

Mục tiêu: Nhấn mạnh về yêu cầu cần đạt, năng lực và phẩm chất, thái độ học sinh cần đạt được sau khi học.

Kiến thức mới: Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ) thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.

Luyện tập: Là các câu hỏi, bài tập thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa học.

Vận dụng: Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

Hiện nay, Đăk Lăk có 49 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó có dân tộc Chăm. Theo tài liệu do Chi cục thống kê tỉnh Đăk Lăk cung cấp, vào năm 2019, toàn tỉnh Đăk Lăk có 357 người Chăm sinh sống, trong đó tại thành phố Buôn Ma Thuột là 160 người.

Tình bày các giả thuyết về việc xây dựng Tháp Yang Prong.

III. GIÁ TRỊ CỦA THÁP YANG PRONG HIỆN NAY

Nhiều năm trôi qua, tháp Yang Prong đã được cư dân bản địa, phần đông là người Jrai, Edê và Mnông, gìn giữ và tin thờ vị thần của tháp. Họ đều gọi tháp bằng cụm từ *Yang Prong*, tức "Thần Lớn". Do vậy, có một điểm chung giữa người Chăm khi xưa với người bản địa sau này là tình thiêng liêng của vị thần được thờ trong tháp đóng một vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của cư dân nơi đây. Có thể nói, Yang Prong là ngôi tháp có giá trị lớn về khảo cổ, lịch sử, văn hoá. Do vậy, ngày 3/8/1991, tháp Yang Prong đã được xếp hạng là Di tích kiến trúc quốc gia.

Nêu giá trị của tháp Yang Prong trong đời sống văn hoá tinh thần của cư dân Đăk Lăk hiện nay.

LUYỆN TẬP

- Theo em, giả thuyết nào là hợp lí nhất về việc xây dựng và chủ nhân của tháp Yang Prong? Vì sao em lựa chọn giả thuyết đó?
- Trình bày trước lớp bài giới thiệu về tháp Yang Prong theo các gợi ý sau:
 - Vị trí và thời gian xây dựng tháp.
 - Kết cấu của tháp.
 - Vai trò của tháp.

VẬN DỤNG

- Tìm hiểu và chia sẻ về các hoạt động văn hoá tinh thần diễn ra ở tháp Yang Prong hiện nay.
- Em hãy đề xuất một số việc làm để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích tháp Yang Prong.

TÌM HIỂU THÊM

CÂU CHUYỆN "CHIẾC ĐỒNG HỒ" VÀ BÀI HỌC VỀ SỰ ĐOÀN KẾT

Giữa mùa thu năm 1954, Bác đến thăm Hội nghị rút kinh nghiệm cải cách ruộng đất ở Hà Bắc. Tại Hội nghị, được biết có lệnh của Trung ương rút bớt một số cán bộ đi học lớp tiếp quản Thủ đô. Ai nấy đều hào hứng muốn đi, nhất là những người quê ở Hà Nội. Bao năm xa nhà, nhớ Thủ đô, nay được dịp về công tác, ai ai cũng có nguyện vọng để nghị cấp trên cho đi. Từ tưởng cán bộ dự Hội nghị có nhiều phản tán. Ban lãnh đạo ít nhiều thấy khó xử.

Lúc đó, Bác lên diễn đàn, giữa mùa thu nhưng trời vẫn còn nóng, mồ hôi ướt đầm hai bên vai áo nâu của Bác. Bác nhìn từ nhìn khắp hội trường và nói chuyện về tình hình thời sự. Khi nói đến nhiệm vụ của toàn Đảng trong lúc này, Bác bỗng rút trong túi áo giờ ra một chiếc đồng hồ và hỏi các đồng chí cán bộ trong hội trường từng câu hỏi về chức năng của từng bộ phận trong chiếc đồng hồ. Ai ai cũng đồng thanh trả lời đúng hết các câu hỏi của Bác.

Đến câu hỏi: Trong cái đồng hồ, bộ phận nào là quan trọng?

Khi mọi người còn đang suy nghĩ thì Bác lại hỏi:

- Trong cái đồng hồ, bộ phận nào là quan trọng?

Tìm hiểu thêm: Thông tin hỗ trợ, bổ sung hoặc có tính liên môn nhằm làm rõ hơn nội dung chính.



Hãy bảo quản, giữ gìn sách để dành tặng các em học sinh lớp sau nhé!

Phần I



VĂN HOÁ, LỊCH SỬ

Bài 1

ĐẮK LẮK TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XV

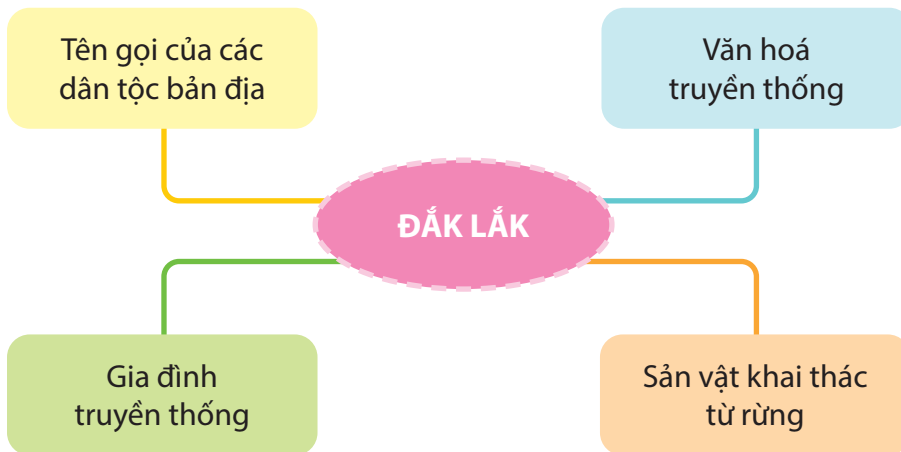
Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được kiến thức về thành phần dân tộc và cấu trúc gia đình truyền thống ở Đăk Lăk trong giai đoạn thế kỉ X - XV.
- Phân biệt được khu vực cư trú và sinh tồn của các dân tộc ở Đăk Lăk trong giai đoạn thế kỉ X - XV.
- Trình bày được các hoạt động kinh tế và đời sống tinh thần của các dân tộc ở Đăk Lăk giai đoạn thế kỉ X - XV.



MỞ ĐẦU

Chia sẻ những điều em biết về Đăk Lăk theo các nội dung sau:



KIẾN THỨC MỚI

I. THÀNH PHẦN DÂN TỘC VÀ GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG Ở ĐẮK LẮK

Trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên, Tây Nguyên là nơi diễn ra các quá trình hình thành và cố kết tộc người. Đến thế kỉ XV, cộng đồng cư dân Tây Nguyên hình thành các thành phần dân tộc nói ngôn ngữ Nam Đảo và Nam Á. Thành phần dân tộc nói ngôn ngữ Nam Đảo được xác định là Jrai, Êđê, Churu, Raglai; các thành phần dân tộc nói ngôn ngữ Nam Á được xác định là Xê Đăng, Bahnar, Mạ, Mnông, Coho. Họ được xem là cư dân bản địa ở

Tây Nguyên. Lúc này phân bố cư trú chủ yếu trên địa bàn Đắk Lắk là người Êđê và Mnông.

Cấu trúc gia đình truyền thống của cư dân Đắk Lắk có hai loại hình: một loại hình theo thiết chế mẫu hệ và một loại hình theo thiết chế song hệ. Gia đình mẫu hệ phổ biến ở dân tộc Êđê. Gia đình song hệ phổ biến ở dân tộc Mnông.

Em có biết?

Với thiết chế song hệ, đứng đầu trong gia đình có thể là người đàn ông hoặc người đàn bà. Trong hôn nhân, người con trai cũng có thể hỏi vợ, người con dâu cũng có thể về sống ở nhà chồng.

Gia đình truyền thống ở Đắk Lắk gồm những loại hình nào?

II. KHU VỰC CƯ TRÚ VÀ TỔ CHỨC XÃ HỘI CỦA CƯ DÂN ĐẮK LẮK

Khu vực cư trú là nơi quần tụ của các thành viên trong cộng đồng. Trong không gian đó, những gia đình nhiều thế hệ của cư dân Đắk Lắk sống trong những ngôi nhà sàn dài đa chức năng. Vật liệu làm nhà được lấy ở trong rừng, gần khu vực cư trú, bao gồm gỗ, tranh, tre, nứa, lá,... Kỹ thuật làm nhà thô sơ, đơn giản.

Khu vực sinh tồn là một địa bàn rộng, trong đó có nguồn nước và các loại đất rừng. Nguồn nước gồm có nước hồ, sông, suối và nước mạch ngầm; đây là nguồn cung cấp nước ăn uống, sinh hoạt, thực hành nghi lễ (bến nước) và cũng là nơi người dân tìm kiếm thức ăn như cá, cua, ốc. Các loại đất rừng được phân thành nhiều khu vực: khu rừng thiêng, khu đất canh tác, khu rừng kiếm sống, khu nhà mồ, bãi chăn nuôi,...

Trong khu vực do công xã sở hữu (bao gồm không gian cư trú và không gian sinh tồn), các thành viên trong công xã đều là chủ nhân, đều có quyền khai thác, sinh sống trên đó. Ranh giới lãnh thổ giữa các công xã được xác định bằng những vật chuẩn tự nhiên cố định như sông, suối, ngọn núi, cây cổ thụ,...

Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, người Êđê và Mnông vẫn sống trong các công xã. Mỗi công xã được quản lí bởi các già làng do một thủ lĩnh đứng đầu. Vị thủ lĩnh này người Êđê gọi là “Khua pin ea”, người Mnông gọi là “Tơm bri”.

Năm 1471, sau khi cuộc chiến tranh Đại Việt và Champa kết thúc, vùng đất Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng chịu sự quản lí của nhà nước phong kiến Đại Việt. Tuy nhiên, các vua Đại Việt tôn trọng, giữ nguyên tổ chức xã hội và tập tục truyền thống của cư dân Đắk Lắk. Người dân vẫn sống trong các buôn của mình. Thủ lĩnh và các già làng quản lí cộng đồng của mình bằng hệ thống luật tục.

- Trình bày về khu vực cư trú của người dân trong công xã.

- Nêu tổ chức xã hội của cư dân Đắk Lắk từ thế kỉ X đến thế kỉ XV.

III. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CƯ DÂN ĐẮK LẮK

1. Đời sống vật chất

Trước thế kỉ XV, cư dân Đắk Lắk có nền kinh tế nông nghiệp trên cơ sở canh tác nương rẫy. Bên cạnh trồng trọt, nghề thuần dưỡng voi và chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng đã phát triển. Ngoài ra còn có các nghề thủ công truyền thống như rèn sắt, làm gốm, đan lát, dệt vải,...

Hoạt động săn bắt, hái lượm vẫn đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của cư dân Đăk Lăk. Họ đã chế tạo ra nhiều loại vũ khí và bẫy để săn bắt được nhiều loài thú lớn, nhỏ. Việc thu nhặt các lâm thổ sản cũng mang lại cho cư dân Đăk Lăk những nguồn lợi đáng kể. Bên cạnh lợi ích cung cấp nguồn thực phẩm dồi dào từ núi rừng, sông suối, các lâm thổ sản này còn mang đến những vật phẩm quý để trao đổi với cư dân bên ngoài như ngà voi, sừng tê giác, trầm hương, mật ong.

Hoạt động trao đổi hàng hoá không chỉ diễn ra trong vùng mà đã có sự giao thương với cư dân ở vùng đồng bằng ven biển.

Sinh kế truyền thống của các cư dân Đăk Lăk từ thế kỉ X đến XV bao gồm các hoạt động nào?

2. Đời sống tinh thần

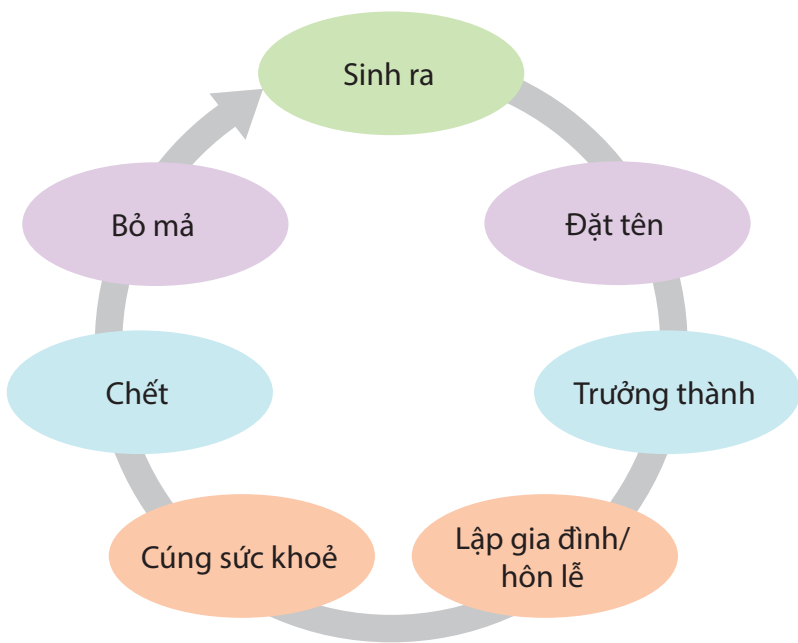
Cư dân công xã có sự gắn kết chặt chẽ với nhau trên cơ sở tôn giáo thực hành đa thần, tín ngưỡng “vạn vật hữu linh”. Người ta tin rằng, cuộc sống của cả cộng đồng và từng thành viên chịu sự chi phối mạnh mẽ của các lực lượng siêu nhiên hiện diện ở khắp nơi. Để cầu khẩn hay tạ ơn thần linh khi những nguyện cầu thành hiện thực, từng gia đình, cộng đồng công xã phải tiến hành các nghi lễ.

Em có biết?

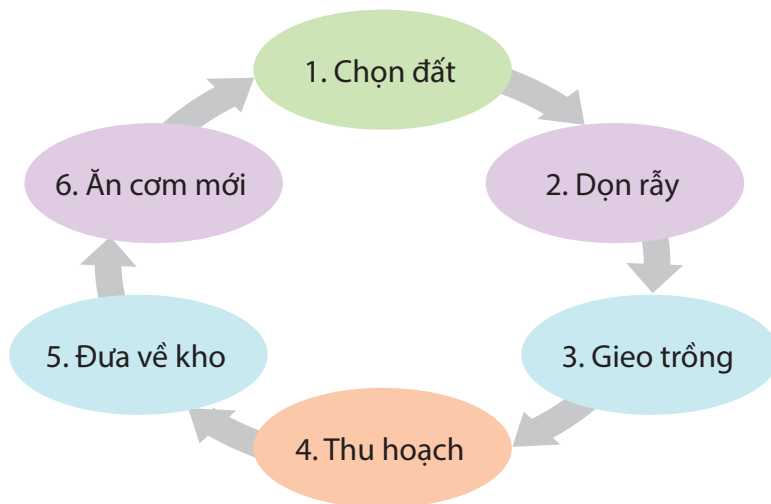
Luật tục là những nguyên tắc ứng xử của cộng đồng, được hình thành qua một quá trình lịch sử lâu dài, trở thành những chuẩn mực chung được cả cộng đồng thừa nhận và thực hiện. Luật tục được giữ gìn và lưu truyền bằng cách truyền miệng, thể hiện bằng những lời nói vắn.

Các lễ hội trong phạm vi gia đình và phạm vi cộng đồng, tuy diễn ra quanh năm nhưng tập trung nhiều vào mùa khô. Cư dân Đăk Lăk thực hiện 3 hệ thống lễ hội chính sau:

- Lễ hội gắn với vòng đời người như sơ đồ sau:



- Lễ hội gắn với chu kì canh tác nương rẫy, bao gồm các dấu mốc:



- Lễ hội gắn với cộng đồng, bao gồm 3 lễ hội cơ bản sau: lễ hội cúng bến nước, lễ hội cầu mưa, lễ hội cúng đất. Các lễ hội này có ý nghĩa cầu mong thần linh mang lại sự bình an cho cộng đồng.

Khi tiến hành lễ hội, dù lễ vật dâng lên thần linh có thể có giá trị lớn hay nhỏ (từ con gà đến con trâu) nhưng rượu cần luôn là thứ bắt buộc phải có.

Bên cạnh sinh hoạt lễ hội, trong đời sống tinh thần của cư dân công xã còn có nhiều sinh hoạt văn hoá - nghệ thuật khác, tạo nên sự gắn kết bền chặt của các thành viên trong cộng đồng, trong đó nổi lên là hình thức hát kể sử thi (người Êđê gọi là “Klei Khan”, người Mnông gọi là “Ót N’drông”).

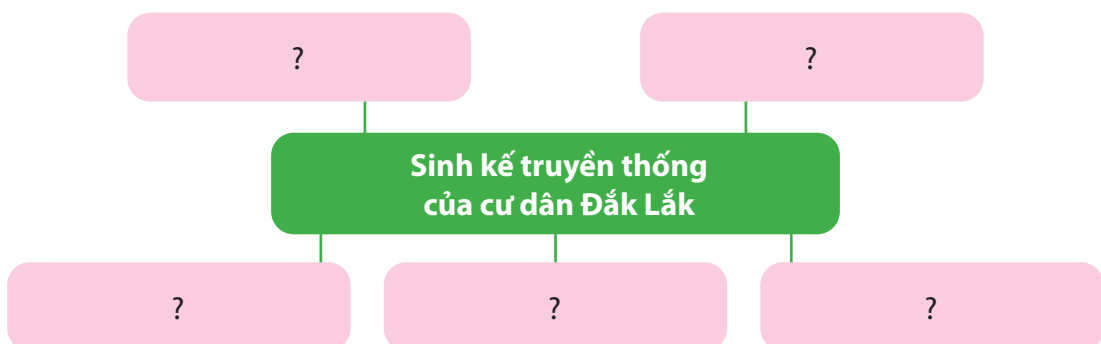
- Trình bày vai trò của các lễ hội trong cộng đồng dân cư.

- Nêu hệ thống lễ hội truyền thống của cư dân Đắk Lắk.



LUYỆN TẬP

1. Trình bày và nêu nhận xét về các hoạt động kinh tế của cư dân Đắk Lắk trong giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XV.



2. Hoàn thành sơ đồ theo gợi ý sau về lễ hội truyền thống của đồng bào Đắk Lắk.



VẬN DỤNG

Đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk hiện nay còn duy trì hoạt động kinh tế nào mà đã có từ thế kỉ X đến thế kỉ XV? Tại sao?

Bài 2

THÁP YANG PRONG

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết được vị trí và thời gian xây dựng tháp Yang Prong.
- Giới thiệu được kiến trúc của tháp.
- Nêu được các giả thuyết tháp Yang Prong được xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Trân trọng các giá trị của di tích văn hoá.



MỞ ĐẦU



Hình 2.1. Tháp Yang Prong

Tháp Champa thuộc thể loại kiến trúc đền tháp của người Chăm. Tháp có nhiều ở các tỉnh Nam Trung Bộ như Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận. Hiện nay, ở Tây Nguyên vẫn tồn tại một tháp Chăm còn khá nguyên vẹn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Vậy tại sao người Chăm lại xây dựng tháp ở Đắk Lắk, tháp được xây vào thời gian nào và kết cấu của tháp có gì khác so với các tháp ở vùng Nam Trung Bộ?



I. KHÁI QUÁT VỀ THÁP YANG PRONG

Tháp Chăm Yang Prong thuộc xã Ea Rốk, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, cách thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 100 km về phía tây bắc, còn có tên khác là tháp Chăm Rừng Xanh. Tháp Yang Prong là di tích kiến trúc quốc gia tiêu biểu ở Đắk Lắk nói riêng và ở Tây Nguyên nói chung. Tháp thờ thần Siva dưới dạng Mukhalinga (vị thần vĩ đại), cầu mong sự nảy nở của giống nòi và sự ấm no, hạnh phúc.

Tháp được xây dựng dưới thời vua Chăm Jaya Shinhavarman III (tức vua Chế Mân) vào cuối thế kỉ XIII. Vị trí xây dựng ở độ cao trên 200 m, chế ngự một vùng phong cảnh thiên nhiên rộng rãi, bằng phẳng, nằm trong khu rừng thưa, với quần thể thực vật thường xanh quanh năm bên cạnh sông Ea H'leo.

Em có biết?

Địa điểm xây dựng và nghệ thuật chạm khắc, trang trí trên tháp Yang Prong khác biệt với các tháp Chăm cổ ở khu vực Nam Trung Bộ. Nghệ thuật chạm khắc và trang trí trên tháp Yang Prong đơn giản, không nhiều hoạ tiết cầu kì. Nếu như tháp Chăm ở Bình Định hay Ninh Thuận được xây dựng trên những ngọn đồi cao hoặc núi thấp không bóng cây, thì Tháp Yang Prong được xây dựng nằm chìm lấp dưới những tán cổ thụ của rừng già Ea Súp và bên dòng sông Ea H'leo hiền hoà.

Tháp có kết cấu là một khối kiến trúc bằng gạch nung đỏ, hình tháp hoa, không có mạch vữa. Tháp có chiều cao 9 m, đáy nền hình vuông, mỗi cạnh dài 5 m, mỗi mặt tường ngoài là ba cửa giả, một cửa thật duy nhất mở về hướng đông. Phía trên mở rộng và thon vút, trên mái là những lớp gạch nhỏ dần từ dưới lên trên. Nền tháp là những phiến đá xanh.

- *Tháp Yang Prong được xây dựng vào thời gian nào và ở đâu?*

- *Mô tả kết cấu của tháp Yang Prong.*

II. CÁC GIẢ THUYẾT VỀ VIỆC XÂY DỰNG VÀ CHỦ NHÂN CỦA THÁP

Tháp Yang Prong do người Chăm xây dựng. Lí do xây dựng tháp đang tồn tại ba giả thuyết khác nhau:

- *Một là*, cuộc chiến tranh giữa Champa và Chân Lạp diễn ra vào khoảng đầu thế kỉ XII với những cuộc giao tranh ác liệt và đã mở rộng lên vùng rừng núi Tây Nguyên. Người Chăm đã chiến thắng và thống trị vùng đất Tây Nguyên. Sự có mặt của người Chăm ở Tây Nguyên là hệ quả của cuộc chiến tranh này và họ đã xây dựng nên tháp Yang Prong.

- *Hai là*, vào cuối thế kỉ XIII (1283), cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông của quân và dân Đại Việt giành thắng lợi, nước Champa được giải phóng. Vua Jaya Shinhavarman III đã cho xây dựng những ngôi đền thờ ở vùng Panduranga và ở Ea Súp, Đắk Lắk ngày nay.

- *Ba là*, do sự giao lưu kinh tế (trao đổi sản vật giữa đồng bằng và Tây Nguyên) diễn ra từ thế kỉ V, người Chăm di cư tự nhiên đến Tây Nguyên.

Hiện nay, Đắk Lắk có 49 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó có dân tộc Chăm. Theo tài liệu do Chi cục thống kê tỉnh Đắk Lắk cung cấp, vào năm 2019, toàn tỉnh Đắk Lắk có 357 người Chăm sinh sống, trong đó tại thành phố Buôn Ma Thuột là 160 người.

Trình bày các giả thuyết về việc xây dựng tháp Yang Prong.

III. GIÁ TRỊ CỦA THÁP YANG PRONG HIỆN NAY

Nhiều năm trôi qua, tháp Yang Prong đã được cư dân bản địa, phần đông là người Jrai, Êđê và Mnông, gìn giữ và tin thờ vị thần của tháp. Họ đều gọi tháp bằng cụm từ *Yang Prong*, tức “Thần Lớn”. Do vậy, có một điểm chung giữa người Chăm khi xưa với người bản địa sau này là tính thiêng liêng của vị thần được thờ trong tháp đóng một vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá tinh thần của cư dân nơi đây. Có thể nói, Yang Prong là ngôi tháp có giá trị lớn về khảo cổ, lịch sử, văn hoá. Do vậy, ngày 3/8/1991, tháp Yang Prong đã được xếp hạng là Di tích kiến trúc quốc gia.

Nêu giá trị của tháp Yang Prong trong đời sống văn hoá tinh thần của cư dân Đắk Lắk hiện nay.



LUYỆN TẬP

1. Theo em, giả thuyết nào là hợp lí nhất về việc xây dựng và chủ nhân của tháp Yang Prong? Vì sao em lựa chọn giả thuyết đó?
2. Trình bày trước lớp bài giới thiệu về tháp Yang Prong theo các gợi ý sau:

- Vị trí và thời gian xây dựng tháp.
- Kết cấu của tháp.
- Vai trò của tháp.



VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu và chia sẻ về các hoạt động văn hoá tinh thần diễn ra ở tháp Yang Prong hiện nay.
2. Em hãy đề xuất một số việc làm để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích tháp Yang Prong.

Bài 3

LỜI NÓI VẦN

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm cơ bản của lời nói vần.
- Nêu được ý nghĩa, giá trị của lời nói vần trong đời sống sinh hoạt cộng đồng của các dân tộc ở Đắk Lắk.
- Sưu tầm được lời nói vần của một số dân tộc ở Đắk Lắk.
- Biết trân trọng, giữ gìn và phát triển lời nói vần của các dân tộc ở Đắk Lắk.



MỞ ĐẦU

Liệt kê các thông tin ở cột K và W theo bảng “KWL” về lời nói vần như sau:

K (Nêu những điều em đã biết về lời nói vần)	W (Nêu những điều em muốn biết thêm về lời nói vần)	L (Những điều em học được về lời nói vần) (Hoàn thành trong khi học hoặc sau khi học xong bài)
?	?	?



KIẾN THỨC MỚI

LỜI NÓI VẦN CỦA NGƯỜI ÊĐÊ VÀ NGƯỜI MNÔNG

I. KHÁI QUÁT VỀ LỜI NÓI VẦN

Lời nói vần của người Êđê (*klei duê*) và của người Mnông (*nao m'pring*) là một thể loại văn học dân gian phổ biến trong văn chương truyền miệng và luật tục của người Êđê, Mnông.

- Về cấu trúc: Những câu chữ trong lời nói vần được nối kết với nhau một cách hợp lý bằng vần điệu (các âm tiết cùng vần hoặc từ có các âm tiết tương đồng). Lời nói vần có cấu trúc và phương thức diễn đạt khá phong phú, có khi là một câu, có khi là một đoạn văn vần, có khi là một khổ văn vần.

- *Về nội dung:* Lời nói vẫn phản ánh tâm tư, tình cảm của dân tộc Êđê, Mnông. Nội dung của lời nói vẫn nói về nguồn gốc, lịch sử tộc người; nguồn gốc các dòng họ; phong tục, lễ nghi; kinh nghiệm lao động sản xuất; những quy tắc ứng xử trong cuộc sống cũng như tình cảm gia đình và tình yêu đôi lứa.

- *Về nghệ thuật:* Lời nói vẫn tương ứng với hình thức thành ngữ, tục ngữ, ca dao của người Kinh, là sự hoà trộn giữa ngôn ngữ thơ ca và ngôn ngữ đời thường. Ngôn ngữ của lời nói vẫn giàu hình ảnh, sử dụng nhiều cách so sánh, ví von, vừa cô đọng, sâu sắc, vừa giản dị, dễ nhớ, dễ lưu truyền.

II. MỘT SỐ LỜI NÓI VẦN TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI ÊĐÊ VÀ NGƯỜI MNÔNG

	Lời nói vần của người Êđê	Lời nói vần của người Mnông
Kinh nghiệm về thời tiết và sản xuất	- Kiến nhỏ tha trứng trời nắng, kiến to tha trứng trời mưa. <i>Hdăm mač đũ boh adiê không, hdăm mông đũ boh adiê hjan.</i> - Rẫy trên núi trồng dưa hấu, rẫy gần thác nước trồng mía. <i>Hma ti cữ pla mkai, hma ti drai pla kô.</i>	- Chọn đất khuất để trồng dưa. <i>Joi neh n'hut ma tằm rpung.</i> - Chọn đất bằng để trồng bắp. <i>Joi neh rdung ma tằm mbo</i> - Chọn đất bờ suối để trồng nếp. <i>Rlo hang dak ma tuch mbar.</i>
Sinh hoạt cộng đồng	- Một thân cây không dựng nên mái nhà, - Một bó tranh không dựng nên cái chòi, - Một trai một gái không làm nên một buôn làng hùng mạnh. <i>Sa bẻ kyô amô dũi jing sang,</i> <i>Sa cặp hlang amô dũi jing hjê,</i> <i>Sa mniê sa êkei amô jing sa buôn prông.</i> - Ngọn cỏ chớ vươn cao hơn cây lau, - Cọng tranh chớ cao hơn cây sậy, - Thú rừng chớ vượt khỏi lùm rừng. <i>Čiêt đăm êgao kơ trang,</i> <i>Hlang đăm êgao kơ mbo,</i> <i>Hlô mnông đăm êgao kơ pum êjung.</i>	- Lúc uống phải ngó đến cần. <i>Ngêť nranh yang nanh nong.</i> - Khi ăn cơm phải ngó đến nồi. <i>Sông piang nanhglah.</i> - Lúc cãi nhau nên biết phải quấy. <i>Taamlah tâm janh mêt doi.</i> - Ngồi tựa đá làm cỏ tựa cây. <i>Jik rbo dâm, âm rbo lu.</i>

Khuyến răn, giáo dục	- Lời khuyên tốt, điều hay mọi buôn làng phải theo. <i>Klei mto lac jāk siam, brei buôn sang tui hlue.</i> - Chị em họ hàng phải sum họp mới có tình. <i>Hlêi Amai adei nũ thảo khin.</i> - Gửi củi nặng lưng cùng nâng đỡ. <i>Ktrở bưng djuh nũ thảo đru ba</i>	- Uống rượu phải xem cần, ăn cơm phải xem nổi - Tuốt lúa phải xem gùi, ăn cơm phải xem người. <i>Nghêt uảnh tong, sông uảnh glah</i> <i>Kăch ba uảnh sah, sông piăng uảnh nuih.</i> - Biết đủ điều con người mới khôn. <i>Ăp ka nau blau kon bu nmuih.</i>
Phong tục, tập quán	- Người Êđê gốc sống trên cao, làm xà nhà theo hướng đông tây. <i>Tar Êđê kơ dlông, yông gũ buôn yũ ngổ.</i> - Ăn rau bèo không gọi người trẻ - Ăn rau môn không mời người già. <i>Bổng mđork amâo iêo êra</i> <i>Bổng êbua amâo truh kơ mduôn.</i>	- Tiếp khách cho đàn hoàng, tiếp bạn bè cho tử tế. <i>Măt năch an lăng, mắt Jiăng an song.</i> - Đi rừng tay phải cầm dao. - Đi suối lưng phải cõng con. - Khi ở nhà phải nấu canh ống. <i>Sit bah brê tui tak dینگ rom.</i> <i>Sit bah dak bă kon dینگ rom.</i> <i>Gu tâm bon prung dینگ.</i>

III. Ý NGHĨA CỦA LỜI NÓI VẦN

Lời nói vần là sự chất lọc tinh túy từ những tri thức, kinh nghiệm dân gian và có vị trí rất quan trọng trong đời sống của người Êđê, người Mnông. Trong giao tiếp, người Êđê và người Mnông vẫn thường sử dụng lời nói vần trong lúc nghỉ ngơi sau giờ làm nương rẫy, khi đi lấy nước, bên chén rượu cần, khi anh em, bạn bè gặp gỡ tâm tình hay người già răn dạy con cháu. Trong luật tục, những lời nói vần có tính chất thiêng liêng hơn vì được coi như những câu nói của ông bà tổ tiên, của các thần linh để lại cho con cháu, mọi thành viên đều phải tuân theo.

(Trích Lời nói vần của dân tộc Mnông,
Lời nói vần của dân tộc Êđê, Sở Văn hoá - Thông tin Đắk Lắk, 1997)

- Trình bày một số đặc điểm cơ bản về lời nói vần của người Êđê, Mnông theo gợi ý sau:

Cấu trúc	Nội dung	Nghệ thuật
?	?	?

- Lời nói vần của người Êđê và người Mnông thường được xếp vào những chủ đề nào? Giải thích ý nghĩa của những chủ đề đó.

- Nêu ý nghĩa của lời nói vần trong đời sống của người Êđê, Mnông.



LUYỆN TẬP

1. Cho biết điểm giống nhau về nội dung và hình thức giữa lời nói vắn của người Êđê, Mnông với thành ngữ, tục ngữ, ca dao của người Kinh.

	Nội dung	Hình thức
Lời nói vắn của người Êđê, Mnông	?	?
Thành ngữ, tục ngữ, ca dao của người Kinh		

2. Những lời nói vắn dưới đây là của dân tộc nào? Cho biết ý nghĩa của các lời nói vắn đó.

- a. Uống rượu phải xem cần, ăn cơm phải xem nổi.
 Tuốt lúa phải xem gùi, ăn cơm phải xem người.
- b. Rẫy trên núi trồng dưa hấu, rẫy gần thác nước trồng mía.



VẬN DỤNG

1. Sưu tầm những lời nói vắn/ thành ngữ, tục ngữ, ca dao của dân tộc em hoặc dân tộc khác ở Đắk Lắk có các nội dung sau:

Kinh nghiệm về thời tiết và sản xuất

Khuyên răn, giáo dục

Phong tục, tập quán

2. Đề xuất một số việc nên làm để góp phần giữ gìn, phát triển lời nói vắn của các dân tộc ở Đắk Lắk.

STT	Việc nên làm
1	?
2	?
...	...

Bài 4

NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI ÊĐÊ VÀ NGƯỜI MNÔNG Ở ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể tên và mô tả được một số nhạc cụ truyền thống của người Êđê và người Mnông ở Đắk Lắk.
- Nghe và cảm nhận được âm sắc một vài nhạc cụ truyền thống của người Êđê và người Mnông ở Đắk Lắk.
- Tập sử dụng được một nhạc cụ truyền thống ở địa phương.
- Nêu được ý nghĩa của nhạc cụ truyền thống của người Êđê và người Mnông ở Đắk Lắk.
- Có thái độ tôn trọng, giữ gìn và bảo tồn các nhạc cụ truyền thống.



MỞ ĐẦU

Quan sát các hình từ 4.1 đến 4.4 và cho biết các nghệ nhân trong mỗi hình chơi loại nhạc cụ gì?



Hình 4.1



Hình 4.2



Hình 4.3



Hình 4.4



I. KHÁI QUÁT VỀ NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI ÊĐÊ VÀ NGƯỜI MNÔNG

Các dân tộc cư trú lâu đời ở Đắk Lắk đều có những nhạc cụ riêng nhưng nổi bật hơn cả là nhạc cụ của người Êđê và người Mnông. Nhạc cụ của người Êđê và người Mnông rất phong phú và đa dạng, luôn gắn bó mật thiết với đời sống sinh hoạt văn hoá của cộng đồng qua các phong tục, lễ hội truyền thống cũng như thể giới tâm linh của dân tộc mình.

	Nhạc cụ của người Êđê	Nhạc cụ của người Mnông
1. Công chiêng	a. Čing Knah b. Čing Jh�	a. Č�ng Bor b. Gong P�h
2. Các nhạc cụ tương đương với công chiêng	a. Čing Kram b. Čing Koh c. Đ�ng P�ng - Ktut d. Đ�ng Năm đ. G�ng e. Đ�ng Tut g. Đ�ng R�ng	a. Goong L�h b. Č�ng Đ�ng c. T�ng G�r d. H�nung Pro đ. Č�ng Č�u�l e. T�lung T�l�r - T�l�k T�l�r g. M�bu�t h. Gong R�ng
3. Các nhạc cụ khác	a. Đ�ng Bu�t b. Đ�ng Pl� c. Đ�ng T�k Tar d. Ki Pah đ. Br� e. H�r g. G�t	a. H�nung Ky t�l, H�nung L�k b. H�nung R�let c. H�nung Tere d. H�nung Ba đ. Wao e. L�t-N�hum g. M�blo h. Gu��

II. CẤU TẠO VÀ CÁCH BIỂU DIỄN MỘT SỐ NHẠC CỤ TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI ÊĐÊ

1. Čing Knah

- *Thể loại*: Họ tự thân vang, chi gõ.

- *Cấu tạo*: Làm từ đồng hợp kim, hình mâm tròn có vành xung quanh. Các Čing được chia ra hai nhóm.

- Nhóm âm thanh ngắt gồm: Ớ, Mđũ, Mong, Khỏk, Hluê Khỏk và Hluê Khỏk điệt.
- Nhóm âm thanh ngân gồm: Ana, Knah đi, Hliang, Hluê Hliang.

- *Biểu diễn*: Khi biểu diễn, tay phải cầm dùi đánh vào mặt chĩnh, tay trái xoè ra áp vào mặt ngoài.

Ớng Knah mang tính cộng đồng trong biểu diễn. Trong các lễ cúng lớn như mừng nhà mới, rước kpan, người Êđê bao giờ cũng kết hợp cúng thần Ớng...



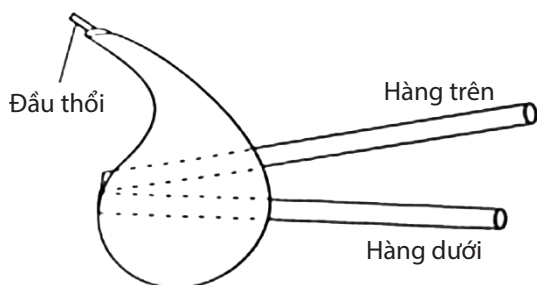
Hình 4.5. Ớng Knah

2. Đĩng Năm (tiếng Êđê: Đĩng: ống, Năm: 6)

- *Thể loại*: Thuộc bộ hơi, chi thổi - lam (lưỡi gà hai chiều).

- *Cấu tạo*: Đĩng Năm cấu tạo gồm 6 ống nửa có kích thước dài ngắn khác nhau chia thành 2 bè (4 ống ở trên, 2 ống ở dưới) và gắn xuyên qua vỏ bầu khô.

- *Biểu diễn*: Người sử dụng Đĩng Năm vừa thổi ra vừa hít vào để tạo nên âm thanh. Đĩng Năm thường được dùng để thổi đệm cho các bài hát arei (hát đối đáp).



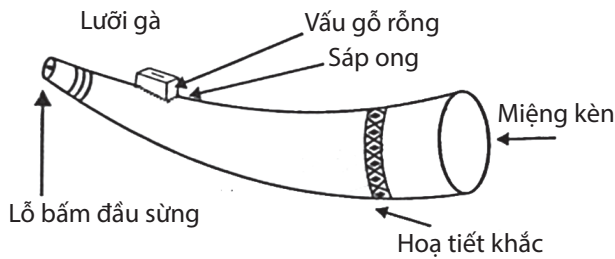
Hình 4.6. Đĩng Năm

3. Kì Pah (tiếng Êđê: Kì: sừng, Pah: vỏ)

- *Thể loại*: Thuộc bộ hơi, chi thổi, hệ lưỡi gà.

- *Cấu tạo*: Được làm bằng sừng trâu có gắn lưỡi gà, núm thổi ở giữa thân kèn.

- *Biểu diễn:* Người sử dụng thổi ra và hít vào để tạo nên âm thanh. Giai điệu của Ki Pah tuy ít nốt nhạc nhưng có âm vang rất lớn. Được sử dụng làm hiệu lệnh chiến đấu, đuổi muông thú và dùng trong một số nghi lễ cúng thần nước, cúng rầy,...



Hình 4.7. Ki Pah

III. CẤU TẠO VÀ CÁCH BIỂU DIỄN MỘT SỐ NHẠC CỤ TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI MNÔNG

1. Cồng Bor

- *Thể loại:* Cồng bor là ching bằng, thuộc họ tự thân vang - đồng, chi đấm tay.

- *Cấu tạo:* Cồng bor gồm 6 chiếc, không có núm, được làm bằng đồng pha thêm các kim loại dẻo như kẽm, thiếc,..., kích thước không lớn.

- *Biểu diễn:* Khi đánh ching, tay phải dùng nắm tay đấm vào mặt ngoài của ching ở vị trí gần với thành ching, tay trái dùng ngón cái đỡ vào chính giữa mặt trong của ching, bàn tay day, chặn vào mặt ching, phối hợp với tay phải đánh ching.



Hình 4.8. Cồng bor

2. Goong lữh (cồng đá, ching đá)

- *Thể loại:* Thuộc bộ gõ, nhóm tự thân vang.

- *Cấu tạo:* Goong lữh được làm bằng các thanh đá với kích thước dài, ngắn, dày, mỏng để tạo âm thanh cao thấp khác nhau.

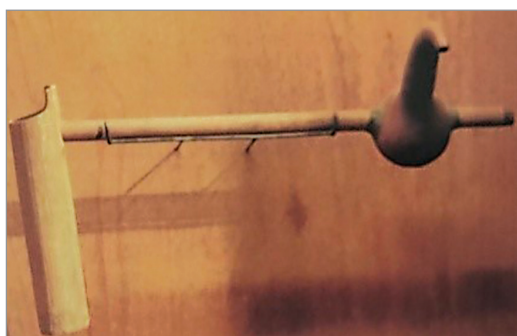
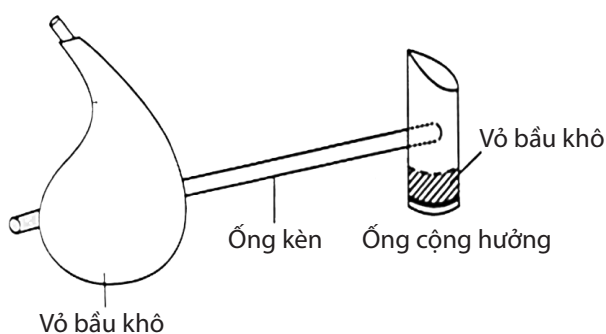
- *Biểu diễn:* Người ta thường kê hai thanh tre để gõ hoặc dùng dây mây để treo thanh đá lên cành cây hoặc một cây tre gác ngang để gõ. Khi đánh đàn đá, người ta thường dùng một cục đá nhỏ để gõ vào các thanh đá. Điểm gõ vào thanh đá là ở đầu nhỏ và mỏng, không gõ vào giữa thanh đá.



Hình 4.9. Ching đá

3. H'nung Rlet

- *Tên gọi*: Rlet là tên của vị thần cai quản đời sống, sức khoẻ của các thành viên trong gia đình. Đây là nhạc cụ biểu diễn cho thần Rlet, một nhạc cụ thiêng.
- *Thể loại*: H'nung Rlet thuộc bộ hơi lưỡi gà, chi thổi.
- *Cấu tạo*: H'nung Rlet có hình dáng cấu tạo như Đing Tắc Tar của người Êđê. H'nung Rlet có 3 bộ phận: đầu kèn, đầu chứa hơi và ống cộng hưởng.
- *Biểu diễn*: Người thổi dùng ngón trỏ và ngón giữa kẹp đầu ống đoạn thò ra với vỏ bầu; lấy ngón cái bịt, mở lỗ bấm. Tay trái dùng các ngón tay bấm vào các lỗ thân kèn. Người biểu diễn hít vào hay thổi ra đều kêu. Ngày xưa, người Mnông quan niệm kèn có thể gọi thần tốt đến trợ giúp và đuổi tà ma đi.



Hình 4.10. H'nung Rlet

IV. Ý NGHĨA CỦA NHẠC CỤ TRUYỀN THỐNG

Nhạc cụ truyền thống của người Êđê, Mnông gắn bó với cuộc sống lao động và sinh hoạt văn hoá tinh thần cộng đồng. Nhạc cụ không chỉ để giải trí sau những ngày lao động vất vả mà còn được quan niệm là công cụ để kết nối con người với thần linh, đồng thời cũng là công cụ đuổi chim, thú trên nương rẫy.

(Theo *Nhạc cụ dân gian Êđê, Mnông*,
NXB Văn hoá dân tộc, 2008)

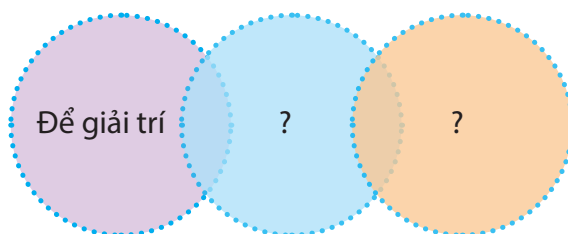
- *Kể tên các nhạc cụ của người Êđê và người Mnông mà em đã được học.*
- *Mô tả đặc điểm của một số nhạc cụ trong bảng theo gợi ý sau:*

	Đing Năm	Ki Pah	Goong lữ	H'nung Rlet
Dân tộc	?	?	?	?
Thể loại	?	?	?	?
Cấu tạo	?	?	?	?
Cách biểu diễn	?	?	?	?

- So sánh nhạc cụ đồng chiêng của người Êđê với người Mnông.

	Cồng chiêng của người Êđê	Cồng chiêng của người Mnông
Giống nhau	?	
Khác nhau	?	?

- Nêu ý nghĩa của nhạc cụ truyền thống của người Êđê và người Mnông.



LUYỆN TẬP

1. Nghe và cảm nhận âm sắc, phân biệt một vài nhạc cụ truyền thống của người Êđê và người Mnông ở Đắk Lắk.
2. Tập sử dụng một nhạc cụ truyền thống ở địa phương.



VẬN DỤNG

1. Sưu tầm tranh ảnh về các loại nhạc cụ truyền thống ở Đắk Lắk.
2. Đề xuất một số việc làm để bảo tồn các nhạc cụ truyền thống ở Đắk Lắk.





SỰ TÍCH KÈN KHỐC VÀ KÈN BẦU SÁU ỚNG (ĐĨNG BUỐT ÇOK VÀ ĐĨNG NĂM)

Lâu lắm rồi, đã nhiều mùa rẫy trôi qua, người già trong buôn ít ai còn nhớ được, thuở ấy, ở một buôn làng của người Êđê M'Dhur có sáu cô gái xinh đẹp thuộc sáu gia đình khác nhau, nhưng họ kết bạn với nhau rất thân thiết, giống như sáu chị em trong một gia đình vậy. Hằng ngày, các cô cùng nhau đi rẫy trồng bắp, lúa hoặc cùng nhau lên rừng hái măng, nhặt nấm, lấy củi,... đi đâu, làm gì, các cô cũng rủ nhau cùng làm, cùng chơi như hình với bóng. Những lúc mùa màng bận rộn, các cô còn làm đổi công cho nhau, nên bắp lúa năm nào cũng thu xong trước mọi gia đình trong buôn. Thu hoạch bắp lúa cho gia đình mình xong, các cô còn giúp các gia đình khác tuốt lúa, bẻ bắp đưa về kho. Các cô làm chu đáo, nhiệt tình, nên dân trong buôn ai cũng mến.

Ngày làm vất vả, tối nào các cô cũng đến ngủ chung với nhau trong một chiếc chòi đầu buôn. Trước khi ngủ, các cô thường kể chuyện cho nhau nghe, múa hát cùng nhau rất vui vẻ. Cứ thế, tối này qua tối nọ, tối nọ qua tối kia, các cô kể chuyện lắm cũng hết, múa hát lắm cũng chán, nên cuộc vui dần dần tẻ nhạt.

Thế rồi, có một cô trong sáu cô gái nói: “Hay là chúng ta đi cắt thân lúa làm ống thổi cho vui”. Các cô gái nghe bạn mình nói vậy, liền cùng nhau đi lấy thân lúa cắt mỗi cô một ống rồi đưa lên môi thổi. Lạ thay, các ống lúa dài ngắn khác nhau do các cô gái thổi đã tạo nên những âm thanh trầm bổng du dương, nghe rất vui tai. Từ âm thanh kì diệu đó, các cô gái như có thêm sức mạnh để làm rẫy, đi rừng, giúp đỡ gia đình.

Mùa rẫy sau, trong buôn có người già qua đời, các cô gái mang kèn ống lúa đến thổi chia buồn cùng gia đình. Tiếng kèn thổi nghe sâu lắng, buồn thương như tiếng khóc than thương tiếc người quá cố, ai nghe cũng xúc động. Mọi người gọi kèn đó là Đĩng Buốt Çok (*Đĩng Buốt Chốc* - Kèn khóc). Một thời gian sau, một chàng trai trong buôn có tài làm các loại kèn, đã dùng 6 ống nứa thay cho 6 ống lúa, rồi cắm 6 ống nứa vào một quả bầu để thổi, tiếng nó phát ra nghe trầm lắng, thiết tha và hay hơn Đĩng Buốt Çok. Dân làng gọi kèn này là Đĩng Năm (*Đĩng* là “ống”, *Năm* là “sáu”). Cứ mỗi lần trong buôn có đám ma là chàng trai lại mang kèn đến thổi để chia buồn cùng với gia đình người quá cố và tiễn đưa người quá cố về với ông bà. Từ đó, người Êđê có tục lệ chỉ được thổi kèn Đĩng Năm trong đám ma. Nếu ai thổi Đĩng Năm ở những nơi khác thì sẽ bị già làng xử phạt, vì đã vi phạm luật tục của buôn làng. Tuy nhiên, ngày nay, kèn Đĩng Năm đã được sử dụng rộng rãi hơn xưa nhiều, không còn kiêng kị nữa.

Người kể: Ama Kbin - Người dịch: Kna Y Wơn

(Trích *Quả bầu vàng* - Trương Bi, Y Wơn, Sở Văn hoá - Thông tin Đắk Lắk, 2002)

Bài 5

VĂN HOÁ ẨM THỰC CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC Ở ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được khái quát văn hoá ẩm thực của một số dân tộc ở Đắk Lắk.
- Nêu được ý nghĩa của ẩm thực trong đời sống.
- Có ý thức giữ gìn, bảo tồn các giá trị văn hoá ẩm thực của các dân tộc và quảng bá văn hoá ẩm thực trong phát triển du lịch.



MỞ ĐẦU

1. Xem clip giới thiệu về một món ăn truyền thống của người Êđê hoặc người Mnông và cho biết:

- Tên món ăn
- Nguyên liệu
- Cách chế biến

2. Kể tên một số món ăn truyền thống của dân tộc em.



KIẾN THỨC MỚI

Đắk Lắk là nơi cư ngụ và hội tụ nhiều nét văn hoá truyền thống độc đáo của các dân tộc như: Kinh, Êđê, Mnông, Jrai, Xơ Đăng, Bru - Vân Kiều, Mường, Thái, Tày, Nùng, Dao,... Vì vậy, ẩm thực nơi đây cũng vô cùng phong phú và đa dạng. Cuộc sống của người dân gắn bó với suối, núi rừng, nương rẫy, bởi thế họ biết tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có để chế biến món ăn. Các món ăn dân dã trong sinh hoạt hằng ngày cùng với nét độc đáo trong ẩm thực ở lễ hội, sinh hoạt cộng đồng đã tạo nên những nét riêng và tạo dấu ấn độc đáo trong văn hoá ẩm thực của các dân tộc ở Đắk Lắk.

I. ẨM THỰC CỦA NGƯỜI ÊĐÊ

Ẩm thực của người Êđê là sự hòa trộn tinh tế của thảo dược, gia vị và thực phẩm tươi sống với những phong cách nấu nướng đặc biệt. Người Êđê quan niệm bữa ăn là nơi giao tiếp thân mật của mọi người. Món ăn chính là cơm tẻ, ăn cùng với nhiều món được chế biến theo các cách khác nhau, theo khẩu vị của mỗi nhóm địa phương.

1. Về nguyên liệu

Người Êđê chủ yếu sử dụng các nguyên liệu từ rừng, từ tự nhiên. Họ thường hái các loại lá cây rừng, đọt măng,... để ăn trực tiếp hoặc nấu thành món ăn. Trong chế biến món ăn, những loại lá này thường phối hợp với các loài thủy sản bắt được ở sông, suối. Thịt được phơi khô, cắt trên giàn bếp để nấu ăn dần. Tim, gan, ruột, chân, xương của con thú nấu canh với một số loại lá trong rừng.

2. Cách thức chế biến

Người Êđê có hai phương thức: chế biến không qua lửa và chế biến qua lửa. Chế biến không qua lửa là cách làm các món ăn không dùng nhiệt lượng của lửa, thức ăn được chế biến trong thời gian ngắn để sử dụng bằng cách làm sạch (ngã mtaḥ), giã nát và ướp gia vị (tlê) hoặc muối chua (ngã msăm) để ăn dần. Chế biến qua lửa gồm có: Ấm (nướng), K'ul (luộc), Đeh (rang) và Tũk (nấu).

3. Vị chủ đạo trong món ăn

Người Êđê ở Đắk Lắk ăn cay. Ớt là gia vị không thể thiếu trong bất kể món ăn nào của họ: ăn sống chấm muối ớt, luộc chấm muối ớt, canh cũng nêm muối ớt.

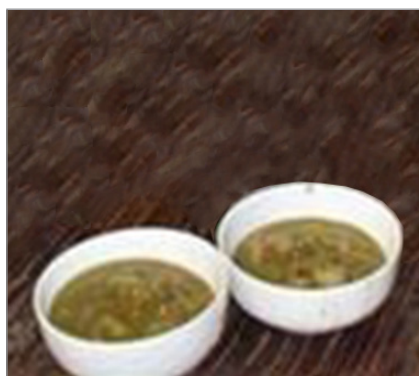
4. Một số món ăn truyền thống của người Êđê

a. Canh bột lá yao

Canh bột lá yao - một món ăn truyền thống trong ngày Tết. Đây là món ăn mang tính gắn kết cộng đồng vì khi chế biến món canh, nhiều người tập trung cùng làm, mỗi người một khâu; người giã gạo, người tước môn,... vừa làm, vừa nói chuyện, chia sẻ về cuộc sống. Canh bột lá yao được chế biến từ nhiều nguyên liệu, gia vị kết hợp như: thịt/ xương heo hoặc vech bò (phần đầu ruột non của bò), cây môn thực, cà đắng phơi khô, đu đủ xanh, gạo, lõi chuối, lá yao (một loại lá rừng có vị ngọt, mùi thơm, hình dáng giống lá trầu không), củ nén, muối, ớt, bột ngọt. Gạo sau khi ngâm thì để ráo nước sau đó giã chung với lá yao cho tới khi nát đều, mịn. Để món canh bột lá yao được ngon miệng, đậm đà, cách thức nấu được tiến hành theo một trình tự nhất định: thịt/ xương được xào trước, tiếp theo cho đu đủ, lõi chuối, môn thực, cà đắng vào xào chung. Sau đó đổ một ít nước, đun cho sôi. Khi mọi thứ vừa chín tới, chất nước từ hỗn hợp bột gạo với lá yao đã giã nát để bỏ vào nồi canh. Cuối cùng nêm gia vị cho vừa miệng.



Hình 5.1. Nguyên liệu để làm canh bột lá yao



Hình 5.2. Canh bột lá yao

b. Lá mì xào hoa đu đủ

Lá mì xào hoa đu đủ là một trong những món ăn truyền thống quen thuộc và dân dã của người Êđê. Nguyên liệu gồm có lá mì, hoa đu đủ đực, cá biển hấp hoặc cá cơm khô, ớt, sả, củ nén, cà bi,... Lá mì phải vò nát. Hoa đu đủ đực luộc sơ qua cho bớt đắng. Cá hấp bỏ hết xương rồi xé nhỏ. Sả, ớt, củ nén giã nát. Phi thơm củ nén cùng mỡ heo và cho các nguyên liệu vào xào. Khi các nguyên liệu vừa chín tới thì nêm thêm chút muối, bột ngọt. Bí quyết để món lá mì xào ngon là cách giữ lửa liu riu, do đó, lá mì chín nhưng không khô, cà chỉ chín tới, hoa đu đủ có độ giòn.



Hình 5.3. Nguyên liệu làm món mì xào



Hình 5.4. Lá mì xào hoa đu đủ

Ngoài ra, người Êđê còn có một số món ăn truyền thống khác như: món cà đắng vech bò (wêc bò) (phần đầu ruột non của bò), canh cà đắng nấu cá khô, gà nướng muối ớt, cơm lam, măng chua, thịt nướng ống nứa,...

5. Thức uống

Rượu cần là đồ uống mang nhiều giá trị thiêng trong các nghi lễ, là lễ vật trong đám cưới, đám ma,... Nguyên liệu chính để làm rượu cần thường là cơm nguội đã phơi được hai ngày nắng, sau đó trộn đều với men (do bà con tự làm). Để có loại men đặc biệt này, người Êđê phải vào rừng tìm vỏ và lá cây ana h'jam mang về phơi khô. Trộn cơm đều với men sau đó cho vào ché rồi đổ nước để ủ. Ở phía trên và dưới đáy ché là một lớp trấu có tác dụng ngăn cho bã rượu không chạy vào trong cần khi hút.

II. ĂM THỰC CỦA NGƯỜI MNÔNG

Ăm thực của người Mnông rất phong phú, đa dạng, luôn có sự kết hợp nhiều loại nguyên liệu, thể hiện tính đoàn kết cộng đồng. Lương thực chính của người Mnông là lúa tẻ. Lương thực phụ có ngô, sắn, khoai lang. Bữa ăn hằng ngày của người Mnông chủ yếu là cơm gạo tẻ và por sắt (cháo chua).

1. Về nguyên liệu

Nguyên liệu chủ yếu lấy trong tự nhiên như cà đắng, lá tàu bay, lá bép, đọt mây, măng le, quả núc nác, cá suối, thịt thú rừng,... Người Mnông không chỉ sử dụng các nguyên liệu từ rau, cây rừng trong bữa ăn hằng ngày mà còn làm lễ vật dâng cúng, thường thức trong ngày lễ, tết, hội truyền thống.

2. Cách thức chế biến

Rau củ được xào khan hoặc nấu lẫn với cá, thịt. Các loại thịt gia súc, gia cầm được chế biến chủ yếu là nướng, luộc, kho, hầm nhừ. Cá cũng được chế biến như nướng, kho đậm hoặc nấu lẫn với một số loại rau củ. Cá và thịt ướp muối trong vò sành hoặc sấy khô trên bếp để ăn dần. Trong những ngày lễ tết, thịt là những món ăn chủ yếu. Người Mnông làm lông con vật bằng cách thui đốt. Đáng chú ý là những món thịt nướng và những món gần giống tiết canh, nem sống ở dạng còn thô sơ hoặc dùng phèo lấy từ những con vật như: trâu, bò, heo, chó,... đem băm sống và trộn bóp với huyết. Những món này chỉ dùng để cúng bái thần linh. Ngoài ra, họ còn chế biến các món theo kiểu khác như: món thịt băm nhỏ trộn với muối đem đựng trong ống tre; món thịt trộn với tiết; phèo nướng và muối ớt để trên lá; món thịt, ruột non, gan, ruột già hỗn hợp đựng trong ống tre;... món gan và lá sách thái miếng xiên xen kẽ vào que tre rồi nướng.

3. Vị chủ đạo trong món ăn

Các món ăn thường có vị đắng - cay - chát. Theo người Mnông, vị đắng sẽ chữa được một số bệnh như đau bụng, sốt rét và vị cay sẽ kích thích vị giác, tạo ra cảm giác ngon miệng hơn. Người Mnông thường sử dụng nhiều loại gia vị như: hành, tỏi, gừng, sả, ớt, hạt tiêu rừng....

4. Một số món ăn truyền thống của người Mnông

a. Cơm lam - thịt nướng

Cơm lam là món ăn được yêu thích nhất và luôn có mặt trong các lễ hội, cuộc vui của người Mnông. Nguyên liệu chính của cơm lam là gạo nếp, sau khi ngâm, gạo nếp được bỏ vào ống tre, ống nứa, lấy nước sôi để nấu. Những ống nứa đựng gạo nếp được đốt trên lửa hoặc vùi trong than. Khi cơm chín, người ta chẻ bỏ lớp cháy bên ngoài, lộ ra phần ruột trắng ngần.



Hình 5.5. Cơm lam

Đi cùng với cơm lam chính là thịt nướng, cũng từ thịt gia súc, gia cầm, nhưng thường chế biến theo một cách rất riêng. Phần lớn nguyên liệu được nướng trên than, không ướp tẩm gia vị mà xiên que hoặc để vào ống lồ ô và nướng.

b. Canh bồi

Canh bồi phổ biến và thường được nấu trong ẩm thực đời thường hơn so với một số loại canh bột gạo khác. Nguyên liệu chính để chế biến món canh bồi truyền thống có sẵn trong tự nhiên, bao gồm lá bép hoặc lá bồ ngót rừng, gạo, đọt mây, thịt hoặc cá. Trước tiên, gạo ngâm trong nước từ 30 phút đến 2 giờ. Khi gạo mềm vớt ra để ráo nước, cho vào cối giã nhuyễn cùng một ít lá bép già hoặc lá bồ ngót rừng. Đọt mây sau khi tách vỏ chọn lấy đoạn non, cắt dọc từng lát nhỏ vừa ăn. Đun nước thật sôi, sau đó cho đọt mây và lá bép non vào nồi. Đợi hai nguyên liệu này vừa chín tới mới thêm cá đã bỏ xương hoặc thịt. Khi các nguyên liệu trong nồi chín tới, đổ nước bột gạo đã hoà đều trước đó vào.

Để nổi canh chín đều, không bị vón cục thì phải chú ý điều chỉnh lửa vừa phải và liên tục khuấy đều tay khi đổ bột gạo, đồng thời nêm gia vị. Canh có vị ngậy của thịt, cá, vị ngọt của bột gạo, đằm đằm của đợt mây, sự thơm bùi của lá bép hoà quyện vào nhau. Canh bồi dễ tiêu hoá, là loại canh bổ dưỡng, giúp phục hồi sức khoẻ.

Người Mnông còn có các món ăn truyền thống khác như: canh thụt, canh môn rừng, canh bột ngô, đợt mây luộc,...



Hình 5.6. Canh thụt

5. Thức uống

Rượu cần là đồ uống phổ biến của người Mnông. Rượu cần được làm từ một thứ rượu gạo, ủ trong các vỏ sò sành, hút bằng cần trúc; được dùng phổ biến trong các dịp cúng lễ hoặc thết đãi khách.

Bên cạnh ẩm thực của người Êđê và Mnông còn có ẩm thực của các dân tộc Jrai, Xơ Đăng, Bru - Vân Kiều, Mường, Thái, Tày, Nùng, Dao,... Ẩm thực của các dân tộc này cũng mang tính chất rất tự nhiên, đậm đà bản sắc văn hoá núi rừng. Chính điều này đã làm cho ẩm thực ở Đắk Lắk càng thêm phong phú và đa dạng.

III. Ý NGHĨA CỦA ẨM THỰC

Ẩm thực của một số dân tộc ở Đắk Lắk với các món ăn truyền thống không chỉ đáp ứng nhu cầu thưởng thức, no bụng mà còn là một trong những nét văn hoá đặc biệt hấp dẫn du khách, góp phần phát triển lĩnh vực du lịch của địa phương. Những món ăn, đồ uống cho biết bản sắc văn hoá riêng của từng tộc người, lối sống gắn gũi với thiên nhiên, tính gắn kết cộng đồng. Các món ăn còn thể hiện khát vọng làm chủ tự nhiên, sự hài hoà giữa con người với thiên nhiên, sự tài tình trong lựa chọn nguyên liệu và tinh tế trong chế biến món ăn. Các món ăn truyền thống của các dân tộc ở Đắk Lắk góp phần làm phong phú văn hoá ẩm thực Việt Nam.

(Theo *Địa chí Đắk Lắk*, NXB Khoa học xã hội, 2015)

- *Trình bày đặc trưng ẩm thực của người Êđê và người Mnông.*
- *Mô tả một món ăn truyền thống của người Êđê và người Mnông.*
- *Nêu ý nghĩa của ẩm thực trong đời sống của người dân ở Đắk Lắk.*



LUYỆN TẬP

1. Nêu điểm giống nhau giữa ẩm thực của người Êđê và ẩm thực của người Mnông.
2. Tìm hiểu về đặc trưng ẩm thực của dân tộc em theo các nội dung gợi ý sau:

Lương thực	Thực phẩm	Gia vị	Đồ uống
?	?	?	?
?	?	?	?



VẬN DỤNG

Thiết kế một tờ quảng cáo giới thiệu về một món ăn truyền thống đặc trưng ở địa phương em.

- Gợi ý:
- Tên món ăn
 - Hình ảnh món ăn
 - Nguyên liệu
 - Cách chế biến
 - Tác dụng của món ăn
 - ...

Yêu cầu: Hình thức nhỏ gọn, hấp dẫn



TÌM HIỂU THÊM

MỘT VÀI MÓN ĂN TIÊU BIỂU CỦA NGƯỜI ÊĐÊ VÀ NGƯỜI MNÔNG

* Canh cà đắng của người Êđê

Trong bữa ăn hằng ngày, canh cà đắng khá quen thuộc với nhiều gia đình người Êđê ở Đắk Lắk. Đây là món ăn mang nét đặc trưng văn hoá vùng miền.

Nhiều cộng đồng người dân tộc ở Tây Nguyên cũng thường xuyên sử dụng cà đắng để kết hợp với nhiều nguyên liệu khác, tạo ra món ăn có hương vị rất riêng. Người Êđê cũng vậy, cũng có công thức và bí quyết riêng cho mình. Khi hái cà, họ chủ yếu lựa những quả non, vỏ màu xanh hơi nhạt, chưa hình thành hạt để món ăn có vị béo và sẽ mềm hơn. Cà sau khi rửa sạch, được cắt khúc dài rồi ngâm nước muối để gia giảm vị hăng, đắng.

Canh cà đắng thường được nấu với cá cơm khô, cá hấp, hầm với xương heo, bò hoặc với thịt heo, bò, trâu,... Khi nấu cà đắng với cá khô thì đầu cá được giã nát, sau đó phi thơm lên cho dậy mùi. Tiếp đến đổ nước vào, đợi sôi và thả cà đắng đã sơ chế vào. Tô canh nấu xong sẽ có vị béo ngậy và hơi sệt giống cà ri, vì họ có sử dụng thêm nước cơm đã sôi để tăng thêm độ sánh mịn. Một chút vị đắng của cà pha với chút ngọt, chút béo ngậy của cá khiến cho ai đã từng nếm qua rất khó lòng quên được món ăn này.

* Các món canh của người Mnông

Các món nấu thường là canh để ăn với cơm, như món canh *Biếp Pu* (lá bép già giã với bột gạo, đốt vỏ chuối hoặc cây lồ ô vắt lấy nước nấu), canh *Biếp Nđum* (lá bép già nhuyển với bột gạo để 1 ngày đêm cho lên men rồi ăn). Các món ăn này thường cay do nấu từ nhiều nguyên liệu khác nhau và cho nhiều ớt, nhất là món *Biếp Prung* (canh thụt^(*)) với nguyên liệu của núi rừng: đốt mây, lá bép, cà đắng, ớt,... rồi cho thêm thịt, sườn thú rừng hoặc cá suối với gia vị thụt cho nhuyển (ngày xưa người Mnông thường nấu bằng ống lồ ô, ngày nay họ dùng nồi). Khi ăn, canh thụt có mùi thơm và vị đắng dịu của cà đắng, vị béo ngọt của thịt tươi, vị cay xé lưỡi của ớt rẫy khiến người ăn cảm thấy hương vị rất nồng nàn, khó tả...

(Tổng hợp từ báo Đắk Nông điện tử)

^(*) Canh thụt: là món ăn của người Mnông, nguyên liệu bao gồm: gạo, lá rau rừng hoặc lá sắn, lá ớt, lá bép, đốt mây, cà đắng,... Canh có thể nấu với thịt rừng hoặc cá. Các nguyên liệu sau khi làm sạch được nhồi vào trong ống lồ ô. Để nguyên liệu được nhuyển, người Mnông sẽ dùng một thanh tre vót nhọn thụt vào bên trong ống lồ ô, sau đó bịt kín một đầu rồi nướng trên lửa cho chín đều.

Phần II



ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP

Bài 6

DÂN SỐ TỈNH ĐẮK LẮK

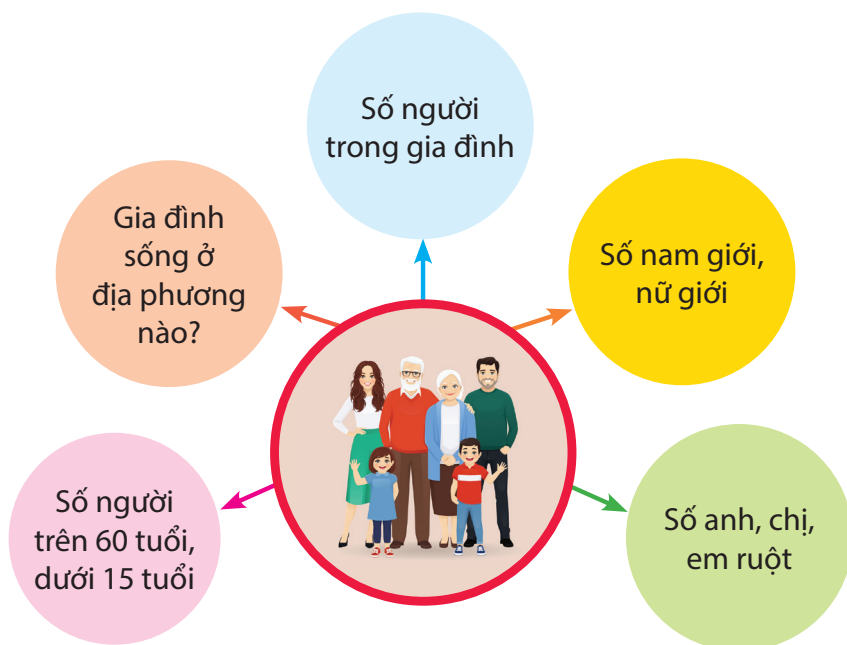
Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được các đặc điểm cơ bản về dân số tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được những thuận lợi và hạn chế của dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk.
- Sử dụng được lược đồ, số liệu thống kê, biểu đồ để nhận xét, phân tích về đặc điểm dân số tỉnh Đắk Lắk.
- Đề xuất được một số biện pháp giải quyết các vấn đề về dân số tỉnh Đắk Lắk.



MỞ ĐẦU

Cho biết các thông tin sau về gia đình em.





KIẾN THỨC MỚI

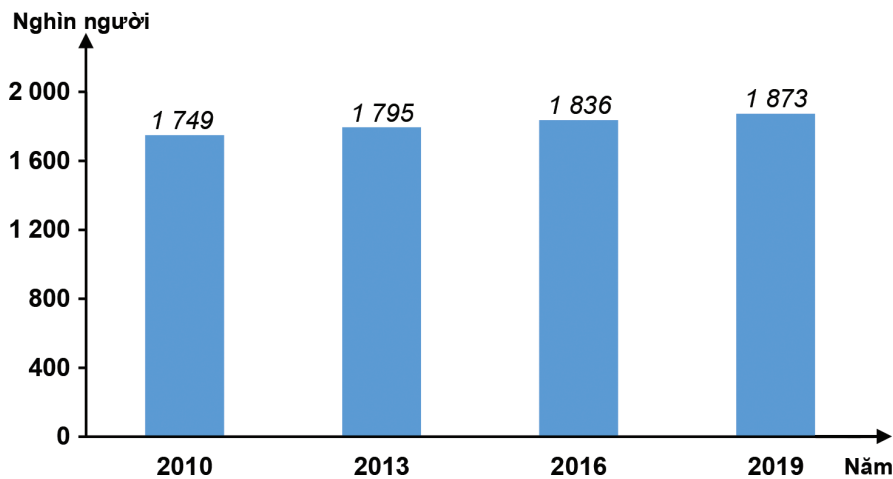
I. QUY MÔ DÂN SỐ

Đắk Lắk là tỉnh có dân số lớn nhất vùng Tây Nguyên với quy mô đạt 1,873 triệu người (năm 2019).

Trước đây, Đắk Lắk là tỉnh có số người nhập cư lớn, góp phần làm dân số của tỉnh tăng khá nhanh. Tuy nhiên, khoảng 10 năm trở lại đây, số người nhập cư có xu hướng giảm, trong khi số người xuất cư tăng, dẫn tới giảm tốc độ gia tăng dân số của tỉnh.

Em có biết?

Trong nhiều năm liền, người dân từ các tỉnh phía Bắc và duyên hải miền Trung đã di cư tự do đến Đắk Lắk. Sự xuất hiện đột ngột của nhiều cư dân mới phần nào gây ra những xáo trộn trong đời sống và ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên ở địa phương.



Hình 6.1. Biểu đồ dân số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019

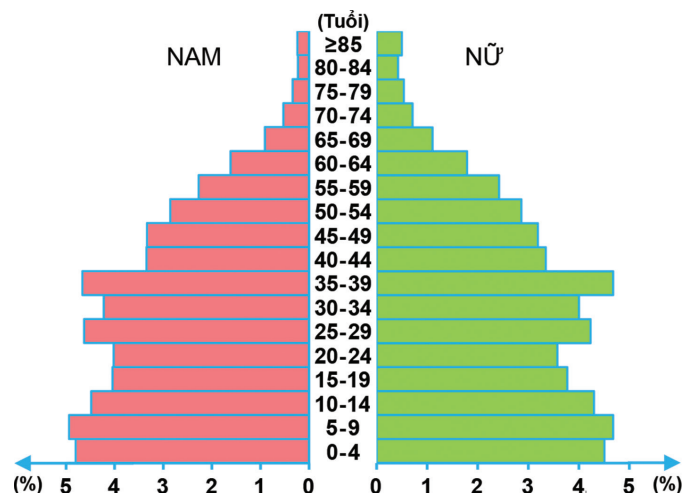
Quan sát hình 6.1, nêu nhận xét về dân số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019.

Dân số tăng lên giúp bổ sung lực lượng lao động cho tỉnh, tuy nhiên cũng đặt ra các vấn đề về việc làm, chất lượng cuộc sống và môi trường, nhất là khi có nhiều người nhập cư.

II. CƠ CẤU DÂN SỐ

Về cơ cấu dân số theo tuổi, Đắk Lắk thuộc nhóm tỉnh có cơ cấu dân số trẻ với tỉ lệ trẻ em cao, tỉ lệ người già thấp.

Về cơ cấu dân số theo giới tính, được chia ra thành giới nam và giới nữ với sự chênh lệch rất nhỏ.



Hình 6.2. Tháp dân số tỉnh Đắk Lắk năm 2019

Dựa vào bảng số liệu sau, hãy so sánh tỉ lệ dân số nam và dân số nữ của Đắk Lắk trong giai đoạn 2010 - 2019.

Cơ cấu dân số tỉnh Đắk Lắk phân theo giới tính giai đoạn 2010 - 2019

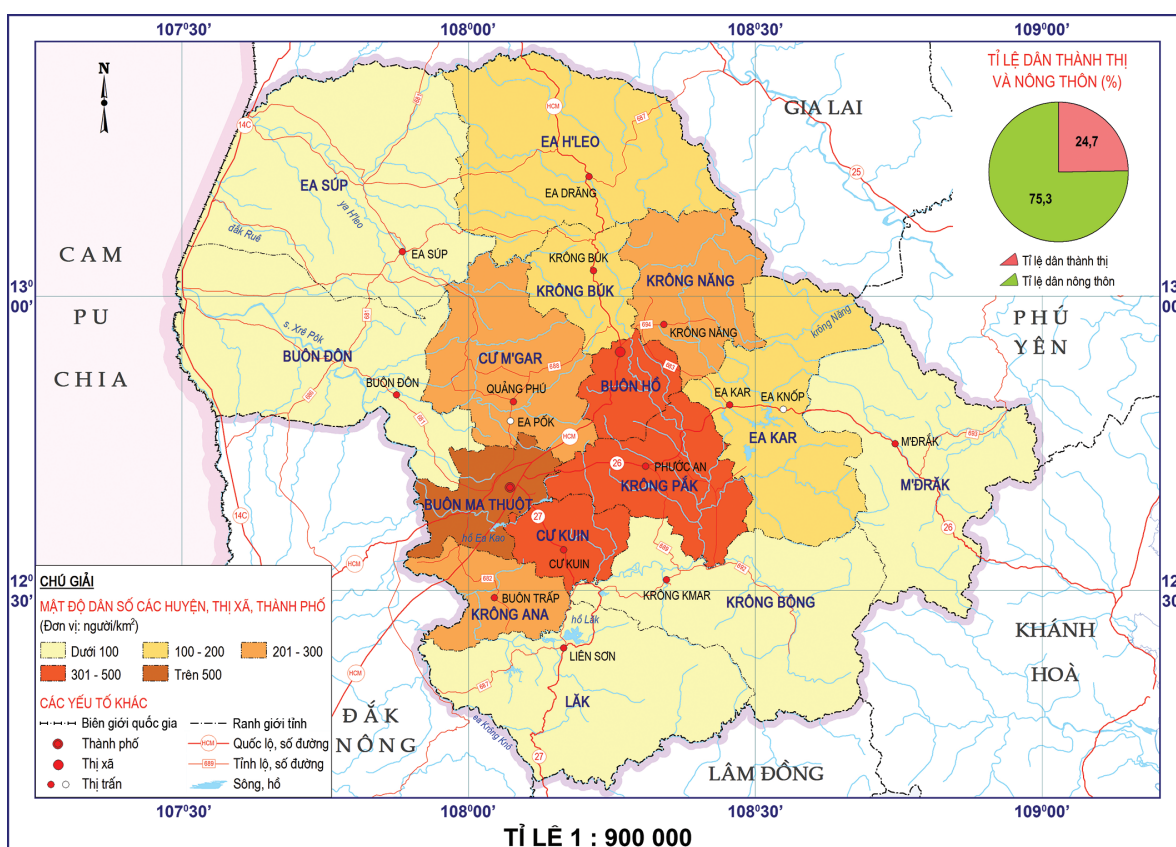
(Đơn vị: %)

Năm	2010	2013	2016	2019
Dân số nam	50,48	50,46	50,44	50,42
Dân số nữ	49,52	49,54	49,56	49,58

III. PHÂN BỐ DÂN CƯ

Đắk Lắk là tỉnh có diện tích lớn và thưa dân. Năm 2019, mật độ dân số của tỉnh là 144 người/km², thấp hơn nhiều so với bình quân cả nước (291 người/km²).

Dân cư phân bố không đều giữa các địa phương trong tỉnh.



Hình 6.3. Lược đồ phân bố dân cư tỉnh Đắk Lắk năm 2019

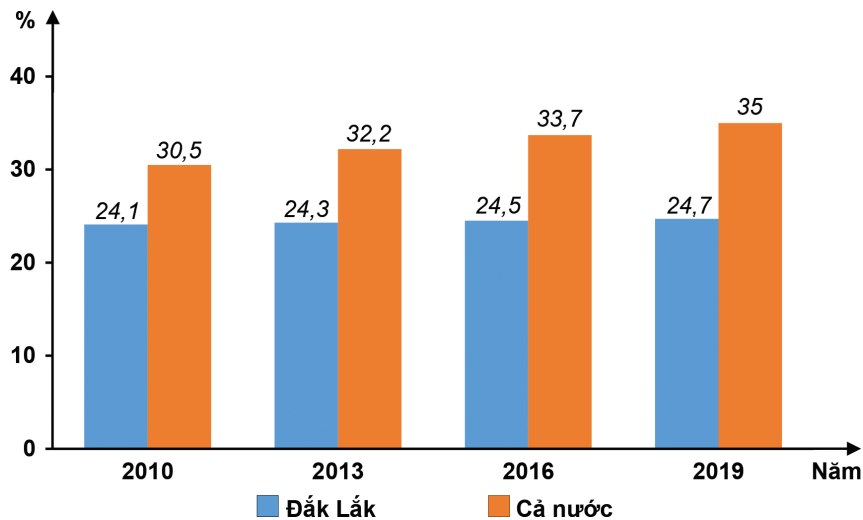
Quan sát hình 6.3, kết hợp với hiểu biết của bản thân, hãy cho biết:

- Các huyện, thị xã, thành phố của Đắk Lắk có mật độ dân số cao.
- Các huyện có mật độ dân số thấp.
- Mật độ dân số ở huyện/ thị xã/ thành phố nơi em sinh sống.

Phân bố dân cư không đều và chưa hợp lí gây khó khăn cho việc sử dụng lao động và khai thác tài nguyên. Một số nơi tài nguyên dồi dào nhưng thiếu lao động, ngược lại có nơi đông đúc, tài nguyên bị khai thác quá mức.

IV. ĐÔ THỊ HOÁ

Dân cư Đắk Lắk phần lớn sống ở nông thôn. Tỷ lệ dân thành thị thấp hơn nhiều so với tỉ lệ trung bình cả nước (24,7% so với 35,0%, năm 2019).



Hình 6.4. Biểu đồ tỉ lệ dân thành thị của Đắk Lắk và cả nước giai đoạn 2010 - 2019

Quan sát hình 6.4, nêu nhận xét về sự thay đổi tỉ lệ dân thành thị của Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019.

Cùng với quá trình đô thị hoá, đời sống vật chất của người dân cũng dần được nâng lên. Các thành phố, thị xã được đầu tư và phát triển hiện đại hơn.



Hình 6.5. Thị xã Buôn Hồ



Hình 6.6. Thành phố Buôn Ma Thuột



LUYỆN TẬP

Ghép các thẻ sau thành một hàng theo phương thức của trò chơi Domino, từ thẻ “Bắt đầu” đến thẻ “Kết thúc”, sao cho thẻ thể hiện đúng tác động của đặc điểm dân cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk.

Gợi ý: Ghi thứ tự sắp xếp các thẻ ra vở sao cho đảm bảo ô chữ màu xanh ở thẻ này nối với ô chữ màu hồng ở thẻ kế tiếp tạo thành một nhận định đúng.

Bắt đầu	Dân số tăng lên hằng năm	giúp bổ sung nguồn lao động	Miền núi dân cư thưa thớt	gây khó khăn cho việc quản lý dân cư	Tỉ lệ dân thành thị còn thấp
THẺ 1		THẺ 2		THẺ 3	
nên thiếu lao động	Dân di cư tự do từ nhiều nơi đến	gây khó khăn cho sử dụng lao động	Kết thúc	khó khăn cho phát triển ngành dịch vụ	Phân bố dân cư chưa hợp lý
THẺ 4		THẺ 5		THẺ 6	



VẬN DỤNG

Tìm dẫn chứng để minh họa tác động của các đô thị tới sự phát triển kinh tế - xã hội ở Đắk Lắk.

Gợi ý: Quan sát người dân ở nông thôn khi cần mua các mặt hàng có giá trị như hàng điện tử, máy móc, xe máy/ xe ô tô,... thì thường mua ở đâu? Việc trao đổi hàng hoá trên có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn ra sao?



TÌM HIỂU THÊM

TÌNH HÌNH GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN Ở ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

Năm	Tỉ suất sinh (‰)	Tỉ suất tử (‰)	Tỉ suất gia tăng tự nhiên (%)
2010	23,80	6,30	1,75
2013	20,00	6,40	1,36
2016	18,90	6,60	1,23
2019	19,80	5,50	1,43

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk năm 2019)

Bài 7

CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể tên được các thành phần dân tộc của tỉnh Đắk Lắk.
- Biết cách sưu tầm tài liệu về các dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk.



MỞ ĐẦU

Kể tên các dân tộc ở Đắk Lắk mà em biết.



KIẾN THỨC MỚI

Đắk Lắk là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống (tính đến năm 2019, có 49 dân tộc). Dân tộc Kinh chiếm đa số (khoảng 64% dân số của tỉnh), các dân tộc khác chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ (khoảng 36%). Ngoài ra còn có một số rất ít người nước ngoài định cư tại đây. Các dân tộc như Êđê, Mnông, Jrai,... là những dân tộc bản địa, đa phần còn lại là các dân tộc di dân đến trong nhiều thời kì khác nhau.

Các dân tộc ở Đắk Lắk xếp theo thứ tự các nhóm có số dân giảm dần năm 2019

Nhóm	Các dân tộc
Nhóm 1 (Các dân tộc có từ 100 000 người trở lên)	Kinh, Êđê.
Nhóm 2 (Các dân tộc có từ 10 000 đến dưới 100 000 người)	Tày, Thái, Mường, Nùng, Mông, Dao, Jrai, Mnông.
Nhóm 3 (Các dân tộc có từ 1 000 đến dưới 10 000 người)	Hoa, Xơ Đăng, Sán Chay, Bru - Vân Kiều.
Nhóm 4 (Các dân tộc có từ 100 người đến dưới 1 000 người)	Khmer, Bahnar, Cồho, Chăm, Sán Dìu, Hrê, Thổ, Lào, Chứt.
Nhóm 5 (Các dân tộc có dưới 100 người)	Ngái, Raglai, Xtiêng, Giáy, Cơ Tu, Gié Triêng, Mạ, Khơ Mú, Cor, Tà Ôi, Chơro, Kháng, Hà Nhì, Chu Ru, La Chí, La Ha, Phù Lá, Lự, Lô Lô, Mảng, Pà Thên, Cơ Lao, Si La, Brâu, Ô Đu, Rơ Măm.

Mỗi dân tộc có những nét đặc trưng về truyền thống, phong tục tập quán,... góp phần tạo nên sự đa dạng về bản sắc văn hoá các dân tộc. Từ đó, tạo điều kiện cho tỉnh phát triển du lịch, mở mang ngành nghề, nhưng cũng đặt ra vấn đề phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với đặc thù từng dân tộc. Ngoài ra, hầu hết các dân tộc ít người cư trú ở vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, do đó cần có sự chú trọng quan tâm của tỉnh để từng bước nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc.

Chia sẻ với các bạn trong lớp về một nét văn hoá đặc trưng của dân tộc em.

Trang phục truyền thống của một số dân tộc ở Đắk Lắk



Hình 7.1. Dân tộc Êđê



Hình 7.2. Dân tộc M'Nông



Hình 7.3. Dân tộc Jrai



Hình 7.4. Dân tộc Xơ Đăng



LUYỆN TẬP

Trong thời gian 5 phút, em hãy kể tên 10 dân tộc có số dân đông nhất ở Đắk Lắk.



VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu (thông tin, tranh ảnh,...) và viết bài giới thiệu về một dân tộc ở Đắk Lắk theo các nội dung gợi ý sau:

TÊN DÂN TỘC

- Số lượng người ở Đắk Lắk.
- Trang phục truyền thống.
- Kiến trúc nhà ở.
- Sinh hoạt văn hoá (lễ hội, phong tục tập quán,...).
- Nơi sinh sống.
- Điều kiện kinh tế.



TÌM HIỂU THÊM

DÂN TỘC ÊĐÊ Ở ĐẮK LẮK

Êđê là dân tộc ít người tiêu biểu của Việt Nam với những nét văn hoá truyền thống mẫu hệ độc đáo. Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, có khoảng 351 278 người Êđê sinh sống ở tỉnh Đắk Lắk, chiếm 18,8% dân số toàn tỉnh và trên 88,1% tổng số người Êđê tại Việt Nam. Tiếng nói của dân tộc này thuộc nhóm ngôn ngữ Malayo-Polynesian (ngữ hệ Nam Đảo). Người Êđê là cộng đồng người thống nhất về ý thức tộc người, ngôn ngữ và văn hoá. Cùng với nông nghiệp nương rẫy, người Êđê tại Đắk Lắk vẫn bảo lưu những truyền thống đặc sắc thể hiện trong lễ hội, công chiêng, sử thi, kiến trúc, điêu khắc gỗ dân gian,... Cho đến nay, nếp sống đại gia đình trong những ngôi nhà sàn dài vẫn tồn tại khá phổ biến. Luật tục và các quan hệ cộng đồng vẫn được duy trì.

(Nguồn: cema.gov.vn)

Bài 8

LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM Ở ĐẮK LẮK

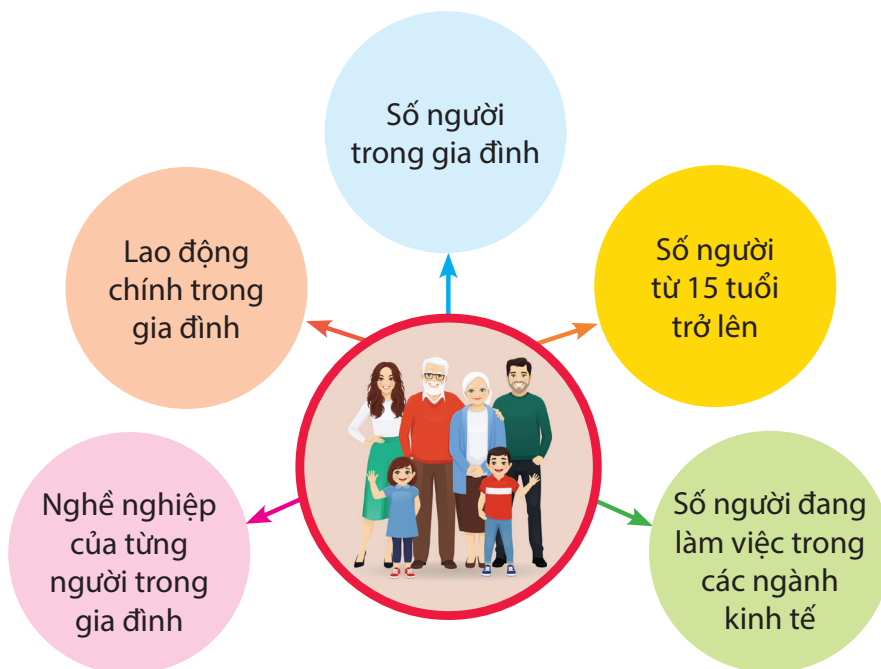
Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được tình hình lao động và việc làm tại tỉnh Đắk Lắk.
- Biết được phương hướng giải quyết vấn đề việc làm của tỉnh.



MỞ ĐẦU

Chia sẻ các thông tin sau về gia đình em.

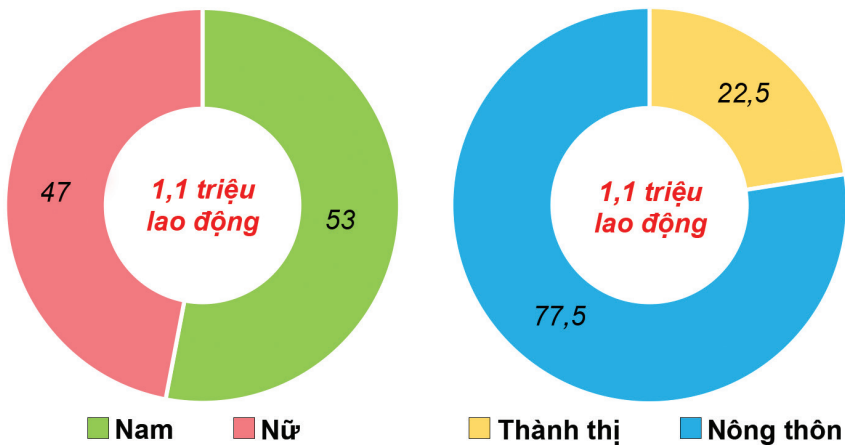


KIẾN THỨC MỚI

I. LAO ĐỘNG

Đắk Lắk có nguồn lao động khá dồi dào và hàng năm được bổ sung đáng kể. Năm 2019, số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc đạt 1,1 triệu người, chiếm gần 60%

dân số toàn tỉnh. Nhìn chung, tỉ lệ lao động chưa qua đào tạo của tỉnh còn khá cao (85,6%), nhất là lao động ở nông thôn (92,5%).



Hình 8.1. Biểu đồ cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo giới tính và thành thị, nông thôn của Đắk Lắk năm 2019 (%)

Quan sát hình 8.1, em hãy:

- So sánh tỉ lệ lao động nam và nữ trên 15 tuổi đang làm việc.
- Cho biết lao động phân bố chủ yếu ở khu vực nào?

Phần lớn lao động của tỉnh Đắk Lắk làm việc trong ngành nông nghiệp và lâm nghiệp. Lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ còn chiếm tỉ lệ nhỏ.



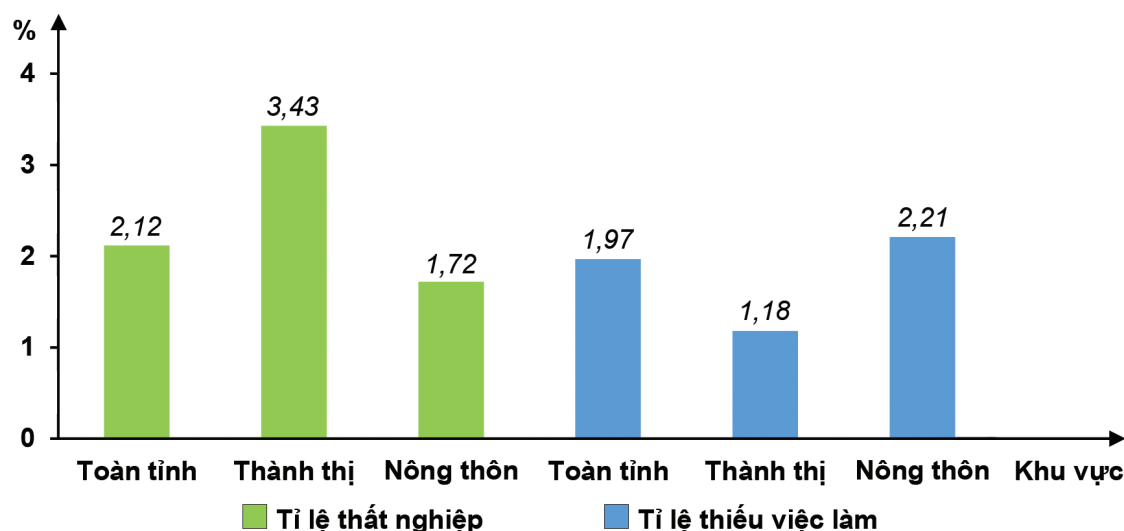
Hình 8.2. Nông dân ở Đắk Lắk

Dựa vào hiểu biết thực tế của bản thân, hãy cho biết:

- Người lao động ở địa phương em làm việc trong những ngành kinh tế nào?
- Sự khác biệt về điều kiện kinh tế của những hộ gia đình làm ở các ngành kinh tế khác nhau.

II. VIỆC LÀM

Giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của tỉnh. Tỷ lệ người thất nghiệp và thiếu việc làm có xu hướng giảm dần nhưng vẫn còn khá cao, trong đó tỷ lệ thất nghiệp ở nữ giới thường cao hơn nam giới.



Hình 8.3. Tỷ lệ người thất nghiệp, thiếu việc làm của Đắk Lắk phân theo thành thị và nông thôn năm 2019

Dựa vào hình 8.3, hãy:

- So sánh tỷ lệ người thất nghiệp ở thành thị và nông thôn của tỉnh Đắk Lắk.
- So sánh tỷ lệ thiếu việc làm ở thành thị và nông thôn của tỉnh.

Để giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nguồn lao động của tỉnh, cần tiến hành một số biện pháp sau:

- Thực hiện tốt công tác kế hoạch hoá gia đình nhằm giảm mức sinh, từ đó giảm tỷ lệ gia tăng dân số.
- Hạn chế người nhập cư tự do từ các tỉnh khác.
- Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động.
- Phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, dịch vụ du lịch,... để tạo thêm việc làm cho người lao động, nhất là lao động nông thôn.
- Tăng cường xuất khẩu lao động.

Em có biết?

Trường Đại học Tây Nguyên nằm trên địa bàn TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là một trong 4 trường đại học ở Tây Nguyên. Đây là cơ sở đào tạo đa ngành, đào tạo kỹ sư nông nghiệp, bác sĩ, giáo viên,... đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cho tỉnh Đắk Lắk và cả Tây Nguyên.



Hình 8.4. Trường Đại học Tây Nguyên (TP. Buôn Ma Thuột)



LUYỆN TẬP

Ghép các thông tin ở cột A với cột B cho phù hợp.

A. Biện pháp

Giảm mức sinh

Xuất khẩu lao động

Đào tạo nghề

Phát triển các làng nghề

Hạn chế người nhập cư tự do

Thu hút đầu tư nước ngoài

Mở rộng các ngành dịch vụ (du lịch, thương mại)

B. Tác động

Giảm bớt số lao động tăng lên hằng năm

Nâng cao trình độ người lao động

Tạo ra nhiều việc làm

Đưa lao động sang nước ngoài để tìm kiếm cơ hội việc làm mới



VẬN DỤNG

1. Khảo sát tình hình lao động và việc làm ở thôn (hoặc khu, xóm, bản,...) nơi em sinh sống theo các gợi ý sau:

- Khu vực đó là nông thôn hay thành thị?
- Ngành kinh tế chính là gì?
- Số người thất nghiệp/ thiếu việc làm nhiều hay ít?
- Thu nhập (mức sống) của người dân như thế nào?

2. Tìm hiểu thực tế và cho biết một số biện pháp giải quyết vấn đề việc làm đang được thực hiện ở địa phương em.



TÌM HIỂU THÊM

QUY MÔ VÀ CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG Ở ĐẮK LẮK GIAI ĐOẠN 2010 - 2019

Năm	Số lao động đang làm việc (người)	Tỉ lệ lao động làm việc tại nông thôn (%)	Tỉ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo (%)	Năng suất lao động (triệu đồng/ lao động)
2010	938 272	75,9	12,4	31,8
2013	1 032 524	76,6	15,0	50,1
2016	1 054 047	77,5	13,9	61,7
2019	1 095 012	77,5	14,4	71,1

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk năm 2019)

Bài 9

LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP PHÙ HỢP VỚI CÁC NGÀNH NGHỀ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Học xong bài này, em sẽ:

- Giới thiệu được một số ngành nghề đặc trưng và giá trị của ngành nghề đó đối với tỉnh Đắk Lắk.
- Phân tích được một số đặc điểm của bản thân phù hợp hoặc chưa phù hợp với công việc của nghề nghiệp em lựa chọn.
- Có ý thức và xây dựng được kế hoạch rèn luyện bản thân để phù hợp với ngành nghề yêu thích ở địa phương.



MỞ ĐẦU

Chia sẻ về một số nghề đặc trưng ở Đắk Lắk mà em biết.



Kiến thức mới

Đắk Lắk có vị trí địa lý là trung tâm của vùng Tây Nguyên, với quy mô diện tích đứng thứ 5 và quy mô dân số đứng thứ 9 trong cả nước. Tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế trong phát triển nông - lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng và dịch vụ, du lịch.

I. ĐẮK LẮK LÀ TỈNH CÓ LỢI THẾ VỀ CÁC NGÀNH NGHỀ THUỘC LĨNH VỰC NÔNG, LÂM NGHIỆP

Trong những năm qua (2015 - 2020), ngành nông, lâm nghiệp của tỉnh Đắk Lắk phát triển khá ổn định, sản lượng một số cây trồng, vật nuôi tăng cao, đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, góp phần đưa giá trị của ngành nông, lâm nghiệp tăng lên. Giá trị tổng sản phẩm ngành nông, lâm nghiệp của toàn tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 102 215 tỉ đồng, bình quân tăng 5,67%; dự kiến năm 2020 đạt 22 300 tỉ đồng, cao gấp 1,32 lần so với năm 2015.

Về trồng trọt, toàn tỉnh đã hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá, áp dụng mô hình trồng cây cà phê xen canh với các loại cây có giá trị kinh tế cao (bơ, sầu riêng, cây có múi,...) hoặc ngược lại, đã đem lại hiệu quả kinh tế cao gấp 3 - 4 lần so với trồng thuần cà phê. Tổng diện tích cây ăn quả của cả tỉnh bao gồm trồng thuần và trồng xen giai đoạn 2016 - 2020 đạt 26 517 ha, trong đó diện tích lớn nhất là bơ đạt 12 686 ha, sầu riêng đạt 7 180 ha. Trong giai đoạn 2015 - 2020, diện tích cà phê có xu hướng giảm,

năm 2020, diện tích cà phê ước còn 202 140 ha (giảm 1 217 ha so với năm 2015); năng suất bình quân đạt 27,84 tạ/ha, tăng khoảng 2,92 tạ/ha so với năng suất cà phê hiện có. Năm 2018, giá trị sản xuất trồng trọt trên một đơn vị diện tích bình quân của tỉnh đạt 112 triệu đồng/ha, cao gấp 1,37 lần so với năm 2015.



Hình 9.1. Mô hình trồng cây cà phê xen cây cao su ở huyện Krông Búk

Về chăn nuôi, Đắk Lắk là tỉnh có lợi thế về điều kiện tự nhiên, nguồn thức ăn, sản xuất chăn nuôi từng bước chuyển dịch từ chăn nuôi nông hộ, gia trại sang chăn nuôi công nghiệp, trang trại quy mô lớn, công nghệ cao, cùng với hệ thống chuồng trại hiện đại và đảm bảo môi trường,... Tính đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 599 trang trại chăn nuôi (285 trang trại lợn, 224 trang trại gà, 71 trang trại vịt, 4 trang trại dê, 1 trang trại nuôi chó cảnh, 1 trang trại bồ câu).

Số lượng gia súc, gia cầm tỉnh Đắk Lắk năm 2015 và 2019

Gia súc, gia cầm	Năm 2015	Năm 2019
Trâu	34 881	39 100
Bò	196 651	262 000
Lợn	751 889	710 000
Gia cầm	11 852 128	11 850 000

(Theo Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2015 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện giai đoạn 2020 - 2025)

Về lâm nghiệp, công tác trồng rừng và khoanh nuôi bảo vệ rừng luôn được chú trọng. Trong giai đoạn 2016 - 2019, toàn tỉnh đã trồng mới được 7 678 ha, công tác quản lý, bảo vệ rừng đã có những chuyển biến tích cực, hạn chế tình trạng xâm hại tài nguyên rừng, nhiều tổ chức, cá nhân đã mạnh dạn thuê đất, nhận rừng để trồng và chăm sóc, cải tạo rừng.

- *Nêu một số kết quả đạt được của các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk trong những năm gần đây.*

- *Kể tên các ngành nghề có lợi thế phát triển thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk.*



Hình 9.2. Rừng trồng ở thành phố Buôn Ma Thuột

II. ĐẮK LẮK LÀ TỈNH CÓ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH NGHỀ DỊCH VỤ, DU LỊCH; CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG,...

Về công nghiệp, tổng giá trị sản phẩm ngành công nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 của tỉnh Đắk Lắk ước đạt 27 715 tỉ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 6,08%/năm. Một số nhóm ngành công nghiệp chế biến có mức tăng trưởng cao, tỉ trọng lớn và thị trường tiêu thụ tốt như: cà phê hoà tan, cà phê bột, máy bơm nước,...; các sản phẩm chế biến nông sản có sản lượng tăng cao. Nhiều dự án mới về sản xuất công nghiệp đã hoàn thành và đi vào hoạt động (8 dự án chế biến tinh bột sắn, dự án sản xuất bia lon, dự án nhà máy đường Ea Súp,...); đã có 1 dự án điện gió, 5 dự án điện mặt trời đi vào hoạt động.



Hình 9.3. Cảnh đồng pin năng lượng mặt trời ở huyện Ea Súp



Hình 9.4. Cột điện gió ở huyện Ea H'leo

Về dịch vụ, du lịch, trong giai đoạn 2015 - 2020, tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều giải pháp về phát triển du lịch, thu hút được 4 215 000 lượt khách (394 000 khách quốc tế, 3 821 000 khách trong nước). Tổng doanh thu 4 231 tỉ đồng, đạt 98,4% kế hoạch đề ra.

Ngoài ra, với vị trí là trung tâm của vùng Tây Nguyên, Đắk Lắk cũng có tiềm năng trong phát triển các loại hình dịch vụ như y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng,...

- Nêu một số kết quả đạt được của các ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch ở tỉnh Đắk Lắk trong những năm gần đây.

- Kể tên các ngành nghề có tiềm năng phát triển thuộc lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch của tỉnh Đắk Lắk.



LUYỆN TẬP

1. Thu thập thông tin về nghề nghiệp của những người xung quanh.

a. Lập kế hoạch thu thập thông tin về nghề nghiệp của những người xung quanh em theo gợi ý sau:

- Đề xuất các thông tin để tìm hiểu về nghề nghiệp của những người xung quanh em (tên nghề nghiệp, nơi làm việc, đóng góp của nghề với gia đình và xã hội,...).
- Lập kế hoạch thu thập thông tin theo gợi ý sau:

NHÓM:

STT	Người thực hiện	Nhiệm vụ	Nguồn thu thập thông tin
1	Bạn A	Sưu tầm thông tin về nghề nghiệp của những người lớn trong gia đình	Phỏng vấn người thân
2	?	?	?
...	?	?	?

- Xây dựng phiếu thu thập thông tin theo gợi ý sau:

Người được phỏng vấn	Nghề nghiệp	Nơi làm việc	Đóng góp của nghề	Kĩ năng, phẩm chất của người làm nghề
Bố	Công nhân	Công ti chế biến nông sản	- Đem lại thu nhập hằng tháng để chăm lo cho gia đình. - Góp phần sản xuất ra sản phẩm cho xã hội.	- Thực hiện thành thạo quy trình chế biến nông sản. - Chăm chỉ.
?	?	?	?	?
?	?	?	?	?

b. Thực hiện các việc làm để thu thập thông tin về nghề nghiệp của những người xung quanh

- Tìm hiểu qua sách, báo, internet.
- Tìm hiểu qua phỏng vấn.

c. Tổng hợp và trình bày kết quả

- Báo cáo và tổng hợp thông tin trong nhóm.
- Trình bày kết quả trước lớp.

2. Lựa chọn một nghề nghiệp và chia sẻ những đặc điểm về phẩm chất, kĩ năng cần có của người làm nghề đó theo gợi ý sau:



3. Chia sẻ về nghề nghiệp yêu thích của em theo gợi ý dưới đây:





VẬN DỤNG

Xây dựng kế hoạch rèn luyện bản thân để phù hợp với nghề nghiệp yêu thích của em theo các bước gợi ý dưới đây:

1 Liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp mà em yêu thích trong tương lai (hoàn cảnh gia đình, lực học,...).

2 Lập danh sách các kĩ năng, phẩm chất cần có đối với nghề nghiệp em yêu thích.

3 Học hỏi, rèn luyện các kĩ năng, phẩm chất cần thiết cho nghề nghiệp em yêu thích.

Bài 10

GIỚI THIỆU VỀ NGÀNH TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP VÀ NGÀNH LÂM NGHIỆP Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được vai trò của ngành trồng cây công nghiệp và lâm nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được đặc điểm một số cây công nghiệp quan trọng của tỉnh Đắk Lắk.
- Nhận biết và trình bày được khái quát tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp của tỉnh Đắk Lắk.
- Có ý thức bảo vệ tài nguyên rừng tại địa phương.
- Thu thập được thông tin để quảng bá và giới thiệu về các sản phẩm đặc sản của quê hương.



MỞ ĐẦU

Kể tên các cây công nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk mà em biết. Các cây công nghiệp đó vì sao lại được trồng nhiều ở tỉnh Đắk Lắk?



KIẾN THỨC MỚI

I. NGÀNH TRỒNG CÂY CÔNG NGHIỆP

1. Vai trò

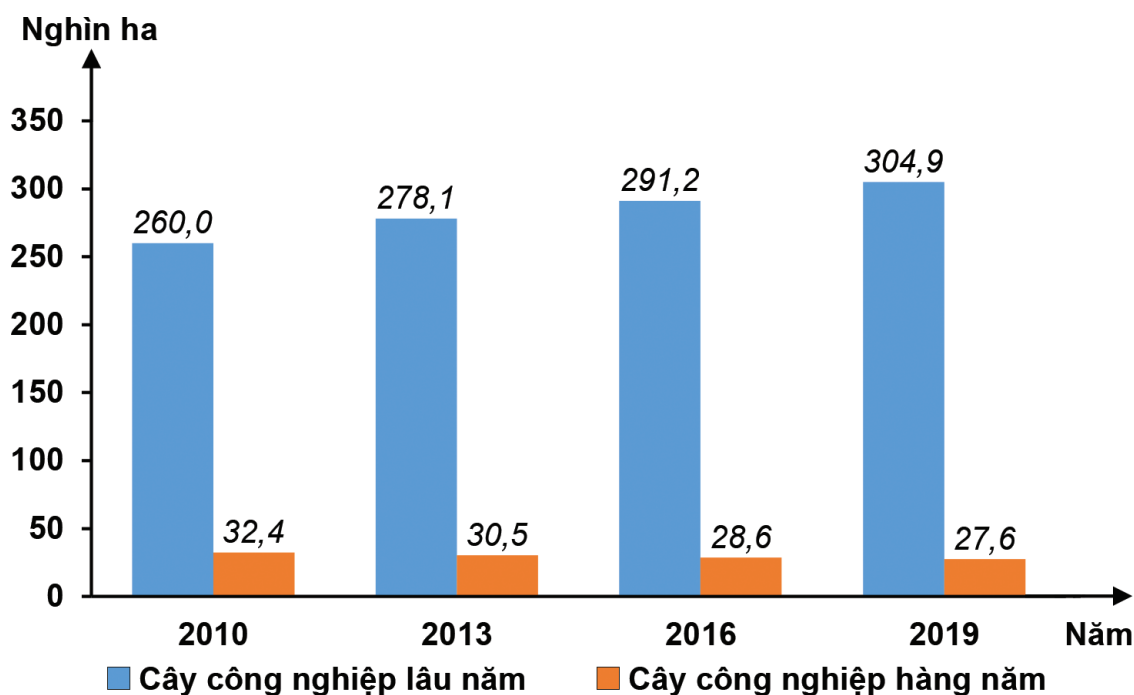
Xếp các vai trò của ngành trồng cây công nghiệp theo 2 nhóm: vai trò về mặt kinh tế và vai trò về mặt bảo vệ môi trường sinh thái. Lấy ví dụ chứng minh một vai trò mà em biết.

Khai thác thế mạnh về đất đai và khí hậu	Tạo việc làm, thu nhập cho người dân	Cung cấp nguồn hàng xuất khẩu
Phủ xanh đất trống	Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp	Giữ đất, chống xói mòn - hoang hoá

2. Giới thiệu về các cây công nghiệp quan trọng

a. Khái quát

Trong cơ cấu diện tích trồng cây công nghiệp của tỉnh Đắk Lắk, nhóm cây công nghiệp lâu năm chiếm ưu thế với các cây trồng nổi bật là cà phê, cao su, điều, hồ tiêu.

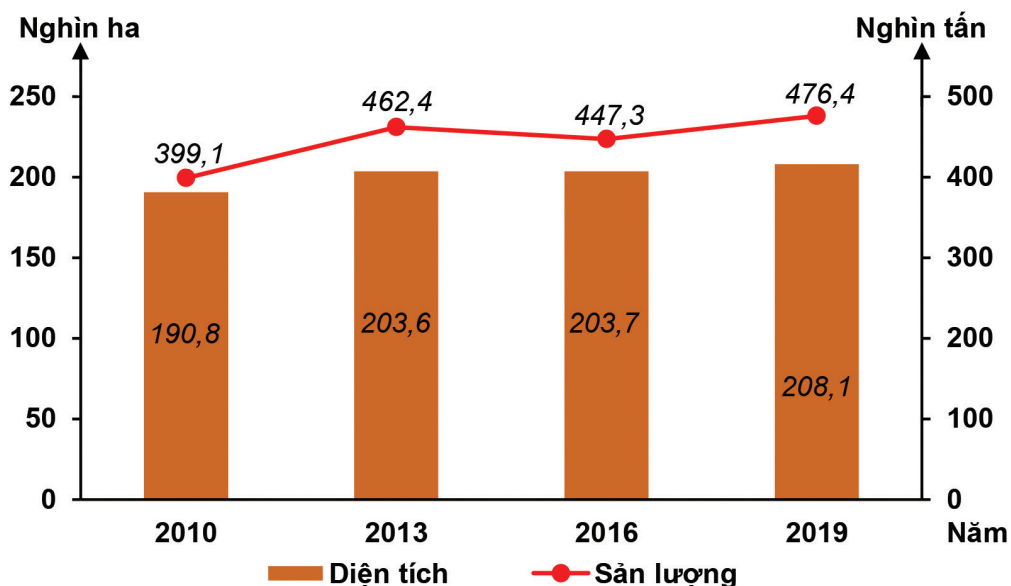


Hình 10.1. Biểu đồ diện tích cây công nghiệp của Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019

Dựa vào hình 10.1, nhận xét về sự thay đổi diện tích cây công nghiệp ở Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019.

b. Cây cà phê

Cà phê là cây trồng chủ lực của Đắk Lắk, nơi được coi là “thủ phủ cà phê” của Việt Nam với thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột. Diện tích, năng suất, sản lượng và sản lượng xuất khẩu cà phê của Đắk Lắk đứng đầu cả nước nhờ có khí hậu cận xích đạo, đất badan màu mỡ trên cao nguyên Buôn Ma Thuột, cây cà phê phát triển tốt và cho hiệu quả kinh tế cao.



Hình 10.2. Biểu đồ diện tích và sản lượng cà phê của Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019

Dựa vào hình 10.2, nhận xét về diện tích và sản lượng cây cà phê ở Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019.

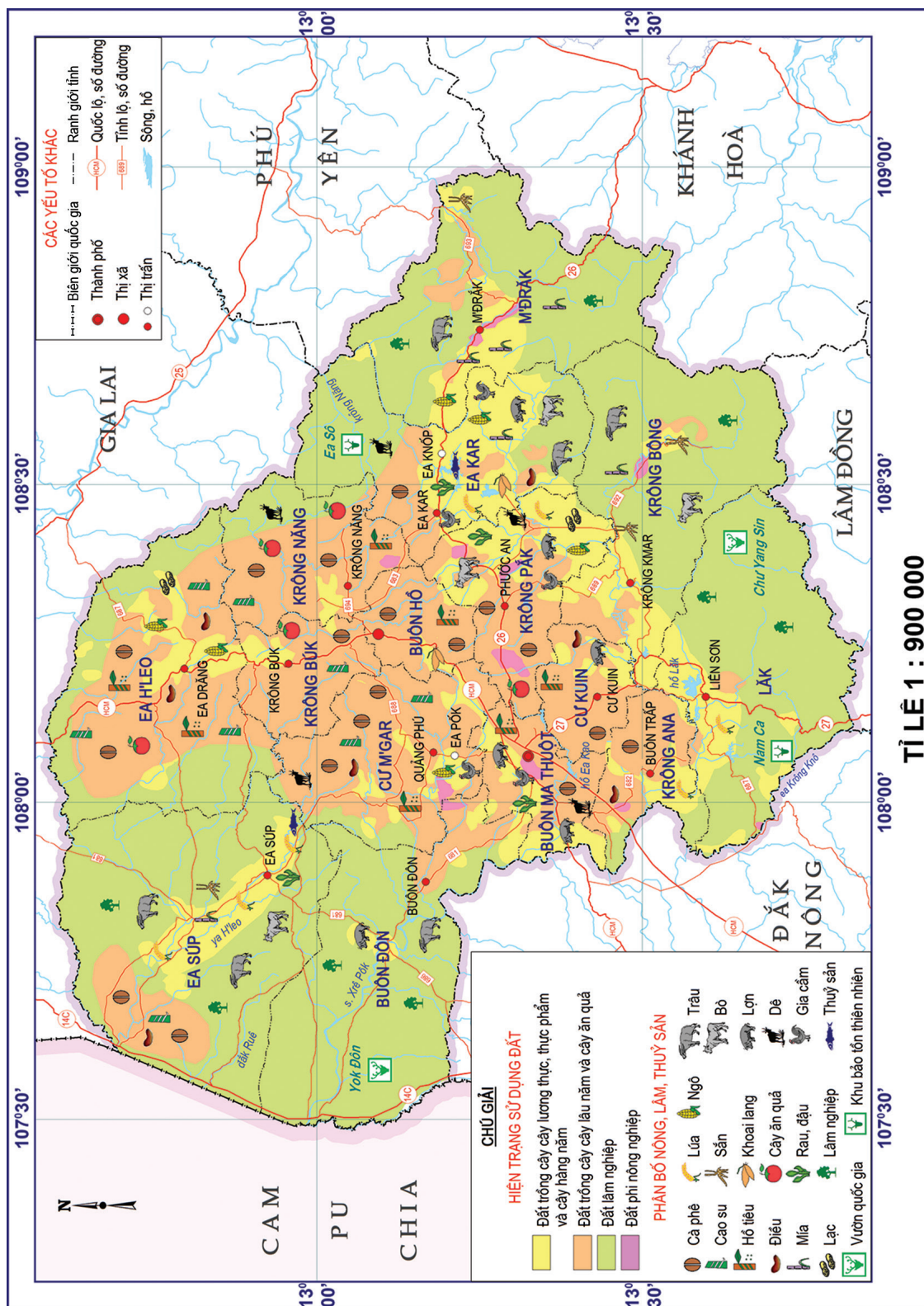
Hầu hết các huyện (thị xã, thành phố) trong tỉnh đều trồng cà phê. Tỉnh đã hình thành các vùng trồng cà phê tập trung với quy mô lớn ở các huyện Krông Buk, Cư M'gar, Krông Ana, Krông Năng,... Các giống cà phê được trồng ở đây là cà phê chè, cà phê vối, trong đó chủ yếu là cà phê vối.

Em có biết?

Cà phê Buôn Ma Thuật là thương hiệu cà phê nổi tiếng của Việt Nam. Cao nguyên Buôn Ma Thuật không chỉ là nơi cây cà phê sinh trưởng tốt mà còn tạo nên hạt cà phê chất lượng cao, hương vị đặc biệt hơn các vùng khác. Loại cà phê phổ biến ở đây là cà phê vối (Robusta) cho năng suất cao và chất lượng tốt.



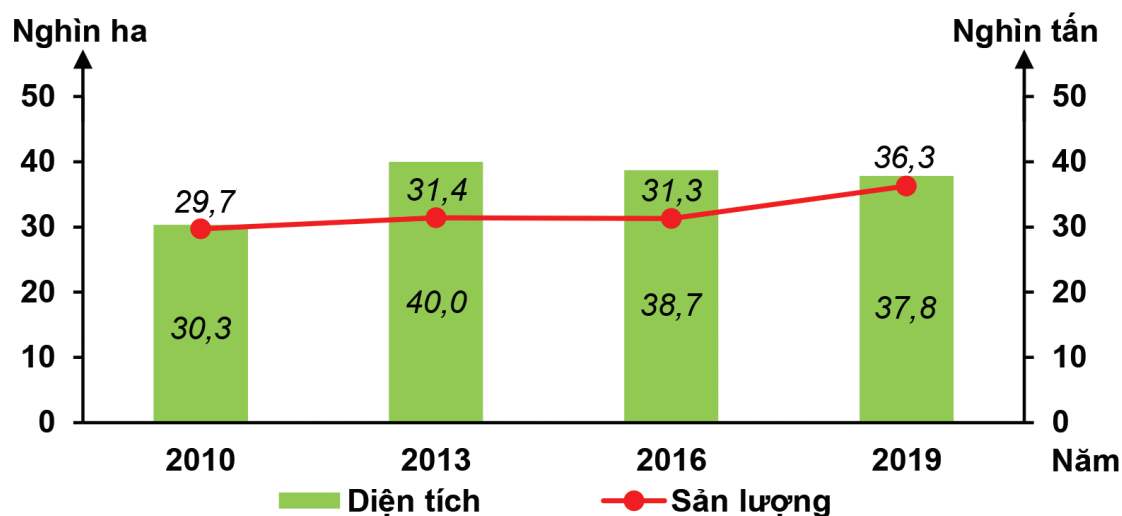
Hình 10.3. Cà phê vối



Hình 10.4. Biểu đồ phân bố các loại nông sản tỉnh Đắk Lắk

c. Cây cao su

Cây cao su là cây công nghiệp quan trọng của Đắk Lắk, diện tích gieo trồng chỉ đứng sau cà phê (năm 2019). Cao su được trồng ở khu vực cao nguyên thấp, bán bình nguyên, tập trung nhiều ở các huyện Ea H'Leo, Cư M'gar, Krông Buk, Krông Năng,...



Hình 10.5. Biểu đồ diện tích và sản lượng cao su của Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019

Dựa vào hình 10.5, nhận xét về diện tích và sản lượng cây cao su ở Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019.

Sản xuất cao su gặp phải một số vấn đề khó khăn như thời tiết khô hạn kéo dài vào mùa khô làm giảm sản lượng mủ, một số vườn cao su đã già cỗi, giá thị trường không ổn định,...



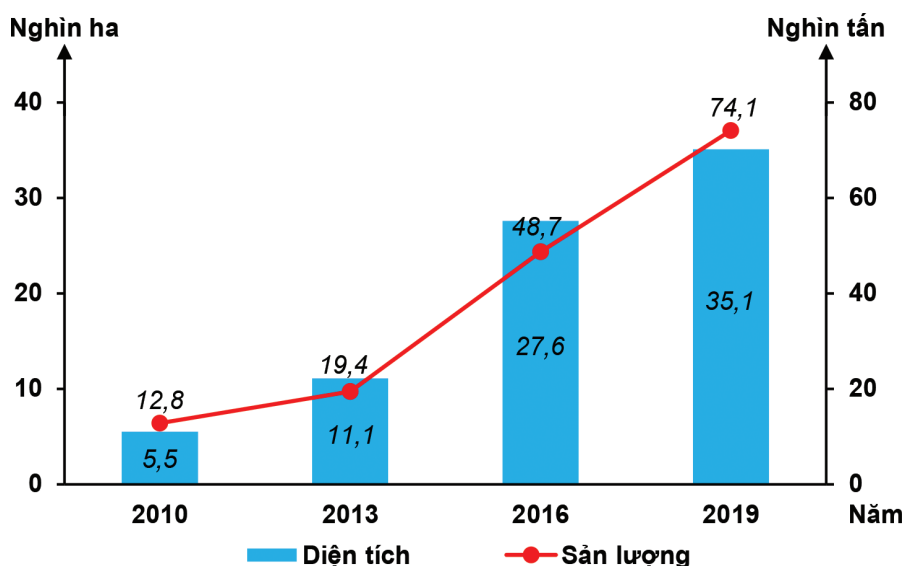
Hình 10.6. Rừng cao su vào mùa khô

d. Cây hồ tiêu

Đắk Lắk là địa phương trồng hồ tiêu nổi tiếng, đặc biệt là loại tiêu đen có hương vị thơm nồng đặc biệt. Hồ tiêu được trồng ở hầu hết các huyện dưới hình thức hộ gia đình hoặc trang trại, các huyện trồng nhiều là Cư Kuin, Ea H'leo, Cư M'gar, thị xã Buôn Hồ,... Diện tích trồng hồ tiêu gần đây có biến động do những tác động của thị trường.



Hình 10.7. Nông dân huyện Cư Kuin thu hoạch hồ tiêu



Hình 10.8. Biểu đồ diện tích và sản lượng hồ tiêu của Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019

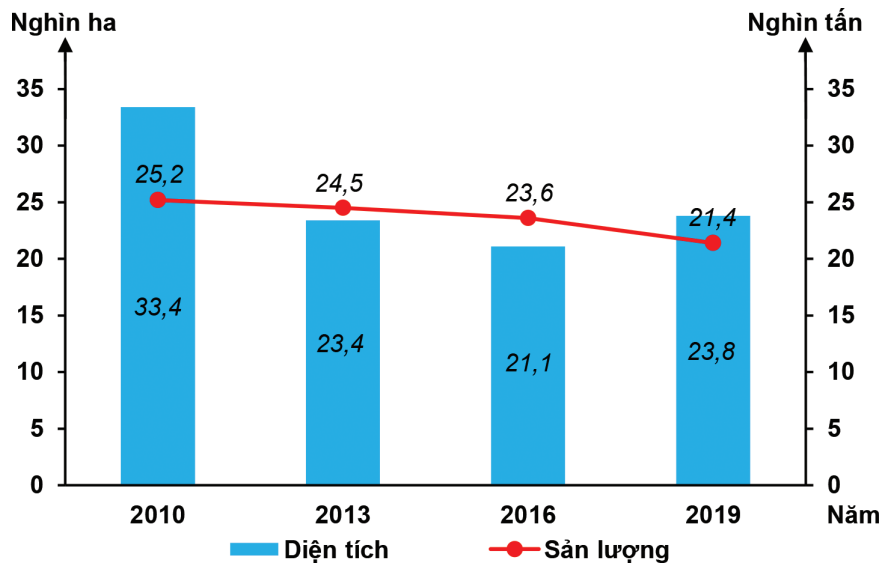
Dựa vào hình 10.8, nhận xét về diện tích và sản lượng cây hồ tiêu ở Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019.

e. Cây điều

Điều là cây trồng quan trọng và có nhiều triển vọng ở Đắk Lắk. Điều có thể trồng dưới hình thức nông - lâm kết hợp. Cây điều già có thể được cấy ghép để “trẻ hoá” nhằm cho năng suất cao hơn.



Hình 10.9. Trái điều



Hình 10.10. Biểu đồ diện tích và sản lượng điều của Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019

Dựa vào hình 10.9, nhận xét về diện tích và sản lượng cây điều ở tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019.

Ngoài các cây công nghiệp lâu năm, Đắk Lắk cũng phát triển một số loại cây công nghiệp hàng năm như mía, bông,... nhưng quy mô diện tích và sản lượng nhỏ.

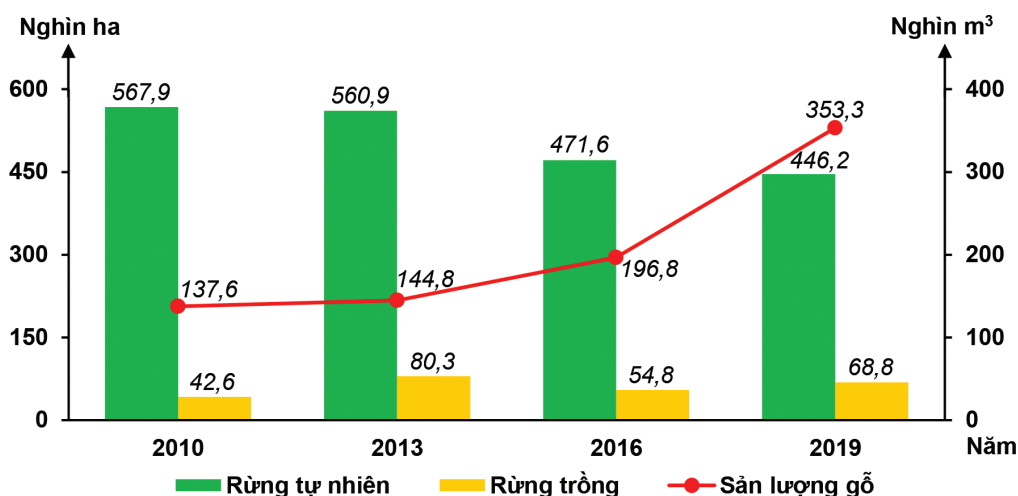
II. LÂM NGHIỆP

Lâm nghiệp là một trong những thế mạnh của Đắk Lắk, đem lại lợi ích kinh tế to lớn (tạo việc làm và thu nhập cho người dân, phát triển du lịch sinh thái,...) và giữ vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường, giảm thiểu biến đổi khí hậu.

Lấy các dẫn chứng minh họa vai trò của ngành lâm nghiệp đối với địa phương nơi em sinh sống.

Về cơ cấu, ngành lâm nghiệp của Đắk Lắk gồm hai hoạt động chính là lâm sinh (tạo giống cây lâm nghiệp, trồng rừng, chăm sóc rừng, khoanh nuôi rừng) và khai thác gỗ, lâm sản khác.

Đắk Lắk có diện tích rừng lớn, chủ yếu là rừng tự nhiên.



Hình 10.11. Biểu đồ diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác của Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019

Dựa vào hình 10.11, hãy:

- *Nêu nhận xét về sự biến động diện tích rừng ở Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019 và giải thích nguyên nhân. Thử đề xuất một số biện pháp để bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng của tỉnh.*

- *Nêu nhận xét về sản lượng gỗ khai thác của Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2019.*

Gỗ khai thác phần lớn thuộc khu vực rừng sản xuất (rừng trồng phục vụ sản xuất), tuy nhiên vẫn có một phần nhỏ (khoảng 0,2%) được khai thác từ rừng tự nhiên. Trong thời gian tới, cần bảo vệ tốt hơn nữa khu vực rừng tự nhiên để đảm bảo đa dạng sinh học và cân bằng môi trường sinh thái.



LUYỆN TẬP

Chọn từ phù hợp trong số các từ sau điền vào chỗ trống để hoàn thành đoạn văn nói về tình hình sản xuất cây công nghiệp của Đắk Lắk:

Cà phê

khô

ấm

cao su

năng suất

hồ tiêu

điều

lâu năm

sản lượng

nóng

(1)....., (2)....., (3)....., (4)..... là những cây trồng thế mạnh của Đắk Lắk, trong đó cây (5)..... là cây quan trọng nhất. Các cây công nghiệp (6)..... này có đặc điểm sinh thái tương đối giống nhau, ưa khí hậu (7)..... và (8)....., đất badan thoát nước tốt, không bị ngập úng. Do thích ứng tốt với điều kiện khí hậu và đất đai của tỉnh nên các cây công nghiệp trên đều cho (9)..... và (10)..... tốt. Tuy vậy, vẫn còn một số vấn đề cần giải quyết như: vấn đề giải quyết nước tưới trong mùa (11).....; vấn đề ổn định đầu ra của sản phẩm; vấn đề kỹ thuật chăm sóc, công nghệ chế biến; vấn đề tìm kiếm thương hiệu cho sản phẩm,...



VẬN DỤNG

1. *Tìm kiếm thông tin và liên hệ thực tế: Vào mùa khô, người nông dân ở Đắk Lắk giải quyết vấn đề nước tưới cho cây cà phê như thế nào?*
2. *Thu thập thông tin và thiết kế bài giới thiệu (tờ rơi, tập san, infographic - đồ họa thông tin, thơ ca,...) để quảng bá về một (một số) nông sản đặc sản ở địa phương em.*



TÌM HIỂU THÊM

CÁC GIỐNG CÀ PHÊ

Trên thế giới có hai giống cà phê phổ biến là cà phê vối (Robusta) và cà phê chè (Arabica). Cà phê chè có nguồn gốc từ Ethiopia và một số vùng đất lân cận (thuộc vùng Sừng Châu Phi) ưa khí hậu mát mẻ, nên ở Tây Nguyên chúng thường được trồng ở độ cao lớn hơn so với cà phê vối. Cà phê vối ưa khí hậu nhiệt đới, cần nhiều ánh sáng mặt trời hơn so với cây cà phê chè, có khả năng kháng sâu bệnh và cho năng suất cao hơn so với cà phê chè (từ 500 - 600 kg/ha). Hạt cà phê vối nhỏ hơn hạt cà phê chè, với hàm lượng caffein và các axit tự nhiên cao hơn nên vị đắng cũng chiếm ưu thế. Trên thị trường thế giới, cà phê chè chiếm ưu thế (khoảng 60%) so với cà phê vối và giá bán cũng cao hơn. Giống như cả nước, phần lớn diện tích cà phê ở tỉnh Đắk Lắk là cà phê vối.

(Nguồn: *Địa lí Kinh tế - Xã hội đại cương*,
Nguyễn Minh Tuệ chủ biên)

Phần III

CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Bài 11

ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số hoạt động, phong trào thể hiện tinh thần đoàn kết các dân tộc của người dân tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được một số việc làm cụ thể nhằm phát huy tinh thần đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh.
- Giải thích được ý nghĩa của việc phát huy tinh thần đoàn kết các dân tộc.
- Thực hiện giữ gìn và phát huy tinh thần đoàn kết ở địa phương.



MỞ ĐẦU

- Quan sát các hình ảnh dưới đây và cho biết trang phục người dân đang mặc là của dân tộc nào?



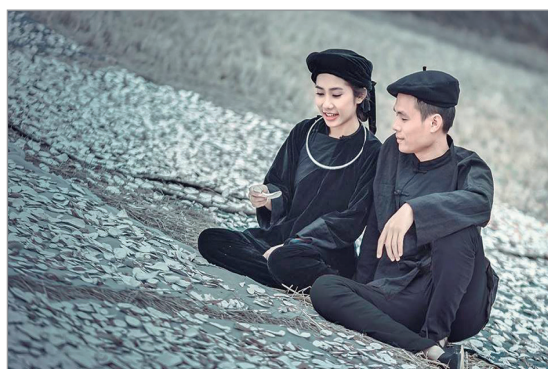
Hình 11.1



Hình 11.2



Hình 11.3



Hình 11.4



Hình 11.5



Hình 11.6

- Kể tên một số hoạt động, phong trào thể hiện tinh thần đoàn kết các dân tộc ở Đắk Lắk mà em biết.



KIẾN THỨC MỚI

I. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG, PHONG TRÀO THỂ HIỆN TINH THẦN ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở ĐẮK LẮK

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

* Thôn 4, xã Tân Tiến (huyện Krông Pắc) vốn là một thôn nghèo, cơ sở hạ tầng thiếu thốn, nhưng nay đã bứt phá đi lên, đổi thay mạnh mẽ, trở thành một trong những thôn được công nhận thôn văn hoá đầu tiên trên địa bàn xã, đặc biệt hiện không còn hộ nghèo. Kết quả trên chính là nhờ sự đồng thuận, tinh thần đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau của tất cả người dân, mà minh chứng cụ thể là từ nhiều năm nay, thôn đã triển khai mô hình “10 hộ giúp 1 hộ” nhằm tiếp sức, giúp các hộ khó khăn có điều kiện phát triển kinh tế, vươn lên trong cuộc sống.

(Theo Đăng Triều, baodaklak.vn)

* Buôn Alê A, phường Ea Tam (thành phố Buôn Ma Thuột) hiện có 335 hộ, trong những năm qua, cán bộ, nhân dân buôn Alê A đã phát huy truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc, nhất trí, đồng lòng hưởng ứng hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp phát động, như phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá; Cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh,... Hiện nay, 91% số hộ trong buôn đã được công nhận gia đình văn hoá.

Đặc biệt, trên lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, cùng với sự hỗ trợ thiết thực từ những chương trình, chính sách của Đảng, Nhà nước, đồng bào buôn Alê A đã phát huy nội lực, tích cực lao động sản xuất, vươn lên làm giàu, đến nay đã có 15% hộ giàu, 33% hộ khá, 52% hộ trung bình, toàn buôn hiện không có hộ nghèo.



Hình 11.7. Bà con nhân dân buôn Alê A cùng tham gia tiết mục văn nghệ chào mừng ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc

(Theo Bá Lược, daklak.gov.vn)

- Nêu một số hoạt động, phong trào thể hiện tinh thần đoàn kết các dân tộc ở thôn 4, xã Tân Tiến và buôn Alê A.
- Kể thêm những hoạt động, phong trào thể hiện tinh thần đoàn kết các dân tộc ở địa phương mà em biết.
- Tinh thần đoàn kết của đồng bào các dân tộc ở thôn 4, xã Tân Tiến và buôn Alê A đã đem lại những thành quả gì cho người dân nơi đây?

II. Ý NGHĨA CỦA VIỆC NÂNG CAO TINH THẦN ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở ĐẮK LẮK

Những nội dung nào dưới đây thể hiện ý nghĩa của việc nâng cao tinh thần đoàn kết các dân tộc ở Đắk Lắk?

- | | |
|---|--|
| a | Phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. |
| b | Đoàn kết là truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc được hình thành và bồi đắp qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. |
| c | Tạo thêm tình thân, tính gắn kết cộng đồng giữa đồng bào các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh. |
| d | Góp phần giữ gìn, phát huy truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc Việt Nam. |
| e | Việc củng cố và tăng cường đoàn kết phải gắn chặt với việc bảo đảm các lợi ích của nhân dân thông qua những chính sách cụ thể, hợp lòng dân. |

III. GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY TINH THẦN ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC Ở ĐẮK LẮK

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi.

Thắt chặt khối đại đoàn kết các dân tộc qua việc bảo tồn những lễ hội truyền thống

Thời gian qua, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk đã tập trung củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng. Một trong những giải pháp trọng tâm, then chốt mà Mặt trận tập trung triển khai là quan tâm đến hoạt động bảo tồn, lưu giữ, phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc anh em thông qua việc tổ chức các ngày lễ, tết truyền thống của đồng bào, tổ chức các hội thi.

Đã có nhiều lễ hội, hội thi được phối hợp tổ chức hằng năm và trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng, thu hút nhiều du khách khi đến Đắk Lắk, như: Tết Bunpimay ở Buôn Đôn; Lễ Hạ nêu của người Mường ở xã Hoà Thắng (thành phố Buôn Ma Thuột), Ngày hội văn hoá thể thao các dân tộc thiểu số thành phố Buôn Ma Thuột, Lễ hội văn hoá dân gian Việt Bắc ở huyện Krông Năng,...

Tại thành phố Buôn Ma Thuột, Ngày Hội văn hoá thể thao các dân tộc thiểu số được tổ chức định kì đã thực sự trở thành sân chơi ý nghĩa, bổ ích, nơi gặp gỡ, giao lưu, gắn chặt tình thân của 47 dân tộc anh em đang sinh sống trên địa bàn. Hội tụ trong ngày vui, ngoài việc cùng nhau tranh tài qua những trò chơi dân gian sôi nổi, hào hứng, vui tươi, đại diện các dân tộc còn thi thố, trình diễn những nét văn hoá độc đáo nhất qua các điệu hát, lời ru, tiếng khèn, nhịp chiêng, những món ăn đặc trưng của dân tộc mình,... tạo thành một bức tranh văn hoá đa sắc màu.



Hình 11.8. Thi môn kéo co tại Ngày hội văn hoá thể thao các dân tộc thiểu số thành phố Buôn Ma Thuột

Thông qua lễ hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiến hành lồng ghép tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức để bà con các dân tộc cảnh giác, không nghe, không tin vào những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân.

(Theo Đăng Triều, baodaklak.vn)

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện những giải pháp gì để giữ gìn và phát huy tinh thần đoàn kết các dân tộc?
- Nêu trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn và phát huy tinh thần đoàn kết các dân tộc ở địa phương em.



LUYỆN TẬP

1. Nêu một vài sự kiện lịch sử thể hiện tinh thần đoàn kết chống giặc ngoại xâm của đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk.
2. Kể lại một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết các dân tộc của em với bạn hoặc với những người xung quanh.

Em đã giúp đỡ ai? Vào thời điểm nào? Người em giúp thuộc dân tộc nào?

Việc làm đó mang lại ý nghĩa gì cho bạn bè hoặc những người xung quanh em?

Khi giúp đỡ bạn bè hoặc những người xung quanh, em cảm thấy như thế nào?

3. Đọc và xử lý các tình huống sau:



*** Tình huống 1:** Để nâng cao tinh thần đoàn kết học tập, cô giáo chủ nhiệm khuyến khích các thành viên trong lớp tích cực làm việc nhóm, cùng nhau giải quyết những vướng mắc, bạn giỏi kèm bạn yếu, bạn bè chơi thân kèm nhau học. Dù biết nhưng H không tham gia vào những hoạt động đó vì cho rằng mình còn bận làm bài, không có thời gian kèm bạn khác học.

Em có đồng ý với việc làm và suy nghĩ của H không? Vì sao?

*** Tình huống 2:** Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hoá ở xã Ea Mnang, huyện Cư M'gar, tất cả người dân trong xã đều tích cực tham gia tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, duy chỉ có nhà ông T là không tham gia vì ông cho rằng đó không phải trách nhiệm của gia đình m.

Em có tán thành với quan điểm của gia đình ông T không? Vì sao?



VẬN DỤNG

Sưu tầm tranh, ảnh, bài viết; thực hiện video clip về những hoạt động, phong trào thể hiện tinh thần đoàn kết của người dân ở địa phương nơi em sinh sống và trình bày sản phẩm trước lớp bằng hình thức báo tường hoặc làm video phóng sự theo gợi ý sau:

Bước 1. Chuẩn bị: Sư tầm tranh, ảnh, bài viết; quay video clip, chụp ảnh về những hoạt động, phong trào thể hiện tinh thần đoàn kết của người dân ở địa phương nơi em sinh sống.

Bước 2. Thực hiện sản phẩm:

- Vẽ báo tường, dán tranh, ảnh minh hoạ, viết bài giới thiệu và mô tả về các hoạt động, phong trào thể hiện tinh thần đoàn kết của người dân ở địa phương nơi em sinh sống.
- Chỉnh sửa video phóng sự nếu thực hiện bằng hình thức quay clip.

Bước 3. Trình bày sản phẩm:

- Treo báo tường trên bảng/ trình chiếu clip phóng sự.
- Các nhóm cử đại diện thuyết trình về sản phẩm của nhóm mình.



TÌM HIỂU THÊM

CÂU CHUYỆN “CHIẾC ĐỒNG HỒ” VÀ BÀI HỌC VỀ SỰ ĐOÀN KẾT

Giữa mùa thu năm 1954, Bác đến thăm Hội nghị rút kinh nghiệm cải cách ruộng đất ở Hà Bắc. Tại Hội nghị, được biết có lệnh của Trung ương rút bớt một số cán bộ đi học lớp tiếp quản Thủ đô. Ai nấy đều háo hức muốn đi, nhất là những người quê ở Hà Nội. Bao năm xa nhà, nhớ Thủ đô, nay được dịp về công tác, ai ai cũng có nguyện vọng đề nghị cấp trên chiếu cố. Tư tưởng cán bộ dự Hội nghị có nhiều phân tán. Ban lãnh đạo ít nhiều thấy khó xử.

Lúc đó, Bác lên diễn đàn, giữa mùa thu nhưng trời vẫn còn nóng, mồ hôi ướt đầm hai bên vai áo nâu của Bác, Bác hiền từ nhìn khắp hội trường và nói chuyện về tình hình thời sự. Khi nói đến nhiệm vụ của toàn Đảng trong lúc này, Bác bỗng rút trong túi áo giơ ra một chiếc đồng hồ và hỏi các đồng chí cán bộ trong hội trường từng câu hỏi về chức năng của từng bộ phận trong chiếc đồng hồ. Ai ai cũng đồng thanh trả lời đúng hết các câu hỏi của Bác.

Đến câu hỏi: Trong cái đồng hồ, bộ phận nào là quan trọng?

Khi mọi người còn đang suy nghĩ thì Bác lại hỏi:

- Trong cái đồng hồ, bỏ một bộ phận đi có được không?

Mọi người đồng thanh đáp: “Thưa Bác không ạ”.

Nghe mọi người trả lời, Bác bèn giơ cao chiếc đồng hồ lên và nói:

- Các chú ạ, các bộ phận của một chiếc đồng hồ cũng ví như các cơ quan của một nhà nước, như các nhiệm vụ của cách mạng. Đã là nhiệm vụ của cách mạng thì đều là quan trọng, đều cần phải làm. Các chú thử nghĩ xem: trong một chiếc đồng hồ mà anh kim đòi làm anh chữ số, anh máy lại đòi ra ngoài làm cái mặt đồng hồ,... cứ tranh nhau chỗ đứng như thế thì có còn là cái đồng hồ được không?

Người căn dặn: Đối với chi bộ, đảng bộ hay tất cả các cơ quan, đơn vị cũng vậy, mỗi phòng, ban là một bộ phận không thể thiếu. Tất cả đều có một nhiệm vụ riêng, dù việc lớn việc nhỏ nhưng đó đều là một phần quan trọng trong một tập thể, mỗi nhiệm vụ như một mắt xích nối lại với nhau để tạo thành một khối vững chắc, thì mỗi chúng ta phải thật sự đoàn kết, nỗ lực, cố gắng phát huy khả năng của mình, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ. Việc so bì, tính toán thiệt hơn về quyền lợi, trách nhiệm hay ngại việc nặng, tìm việc nhẹ sẽ dẫn đến mất đoàn kết, ảnh hưởng đến nhiệm vụ chung.

(Theo *Bác Hồ kính yêu*, NXB Kim Đồng)

Bài 12

BẢO VỆ VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN RỪNG Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một số đặc trưng của tài nguyên rừng ở tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được một số biện pháp bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Đắk Lắk.
- Có ý thức tuyên truyền mọi người cùng bảo vệ tài nguyên rừng ở tỉnh Đắk Lắk.



MỞ ĐẦU

Chia sẻ hiểu biết của em về một khu bảo tồn thiên nhiên ở Đắk Lắk.



KIẾN THỨC MỚI

I. MỘT SỐ ĐẶC TRƯNG CỦA TÀI NGUYÊN RỪNG Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Theo báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020, hiện trạng sử dụng và biến động đất lâm nghiệp của tỉnh năm 2014, 2019 được thể hiện như sau:

Bảng 12.1. Hiện trạng sử dụng và biến động đất lâm nghiệp tỉnh Đắk Lắk năm 2014 và 2019

STT	Mục đích sử dụng	Năm 2019 (ha)	Năm 2014 (ha)	So sánh (ha)
1	Đất rừng sản xuất	237 853	239 911	– 2 058
2	Đất rừng phòng hộ	69 557	68 325	1 232
3	Đất rừng đặc dụng	220 380	215 387	4 993
	Đất lâm nghiệp	527 790	523 623	4 167

Đến năm 2020, diện tích rừng của tỉnh Đắk Lắk là 508 564 ha, độ che phủ là 38,75%. Trên toàn tỉnh, rừng đặc dụng phân bố chủ yếu ở các khu bảo tồn: Vườn quốc gia Yôr Don, Vườn quốc gia Chư Yang sin, Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, Khu dự trữ thiên nhiên Nam Ka, Khu bảo vệ cảnh quan hồ Lắk,...

Tỉnh Đắk Lắk có sự đa dạng cao về hệ sinh thái rừng với 11/16 kiểu thảm thực vật rừng của cả nước (theo hệ thống phân loại Thái Văn Trùng, 1978). Các kiểu rừng này được hình thành trên cơ sở sự thay đổi của các yếu tố về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, đặc biệt là sự biến động rộng của các đai cao từ 100 - 2 400 m, vị trí địa lí ở khu vực chuyển tiếp giữa Tây Nguyên với duyên hải miền Trung.

Bảng 12.2. Các kiểu thảm thực vật ở các khu bảo tồn

STT	Kiểu thảm thực vật theo Thái Văn Trùng (1978)	Vườn quốc gia Yok Don	Vườn quốc gia Chu Yang Sin	Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô	Khu dự trữ thiên nhiên Nam Ka	Khu bảo vệ cảnh quan hồ Lắk
<i>I</i>	<i>Các kiểu rừng kín vùng núi thấp</i>					
1	Kiểu rừng kín thường xanh, mưa ẩm nhiệt đới	x	x	x	x	x
2	Kiểu rừng kín rụng lá, mưa ẩm nhiệt đới	x		x	x	
<i>II</i>	<i>Các kiểu rừng thưa</i>					
3	Kiểu rừng thưa cây lá rộng, hơi khô nhiệt đới	x		x		
4	Các kiểu rừng thưa cây lá kim, hơi khô á nhiệt đới núi thấp		x			x
<i>III</i>	<i>Các kiểu trảng, truong</i>					
5	Kiểu trảng cây to, cây bụi, cỏ cao khô nhiệt đới	x		x	x	
<i>IV</i>	<i>Các kiểu rừng kín vùng cao</i>					
6	Kiểu rừng kín thường xanh, mưa ẩm á nhiệt đới núi thấp		x			x
7	Kiểu rừng kín cây lá rộng, lá kim, ẩm á nhiệt đới núi thấp		x			x
8	Kiểu rừng kín cây lá kim, ẩm ôn đới núi vừa		x			x
<i>V</i>	<i>Các kiểu quần hệ khô lạnh vùng cao</i>					
9	Kiểu quần hệ lạnh vùng cao		x			

VI	Kiểu rừng khác					
10	Kiểu rừng lá rộng thường xanh hỗn giao tre nứa, lồ ô	x	x	x	x	x
11	Kiểu rừng tre nứa, lồ ô	x	x	x	x	x

Thực vật rừng tỉnh Đắk Lắk rất phong phú và đa dạng với 3 853 loài, trong đó có nhiều loài quý hiếm, có nguy cơ bị đe dọa được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới như: cẩm lai, trắc, giáng hương, gỗ đỏ, thông 5 lá, thông lá dẹt, bách xanh, pơ mu, trầm hương, kim giao, thông nước.

Động vật rừng tỉnh Đắk Lắk có 1 880 loài thuộc các lớp thú, chim, bò sát và ếch nhái, có nhiều loài thú lớn có nguy cơ tuyệt chủng như: voi, bò tót, hổ, sơn dương, mang,...

Các loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk phân bố chủ yếu ở Vườn quốc gia Yok Don, Vườn quốc gia Chu Yang sin, Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô, Khu dự trữ thiên nhiên Nam Ka, Khu bảo vệ cảnh quan Hồ Lắk, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh thông nước.

Bảng 12.3. Số lượng loài động vật, thực vật rừng theo các mức nguy cấp, quý hiếm

Phân hạng nguy cấp	Số loài	
	Động vật	Thực vật
Nghị định 06 (2019)	75	25
Sách Đỏ Việt Nam (2007)	71	85
IUCN (2019)	35	25

II. BẢO VỆ, SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN RỪNG Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Trong thời gian qua, tỉnh Đắk Lắk đã đẩy mạnh việc triển khai quản lí rừng bền vững nhằm góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, tài nguyên thiên nhiên và các giá trị nguyên sơ, đặc biệt chú trọng bảo vệ diện tích rừng nguyên sinh hiện có; bảo vệ quần thể các loài động vật quý hiếm, các loài đang bị đe dọa, các loài đặc hữu; duy trì giá trị sinh thái và chức năng phòng hộ đầu nguồn bằng các việc làm cụ thể như sau:

- Tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường rừng.
- Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng.
- Thực hiện các chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ tại các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh (hoạt động bảo tồn hổ tại vườn quốc gia Yok Don, bảo tồn voi,...).

- Lưu giữ và bảo tồn tại chỗ với nguồn gen quý tại địa phương: cây thông nước là loài thực vật quý hiếm không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới; quần thể tự nhiên thông nước hiện tại ở tỉnh Đắk Lắk còn lại duy nhất ở Việt Nam. Khu bảo tồn loài - sinh cảnh thông nước được thành lập nhằm duy trì và hướng đến phát triển quần thể cây thông nước bền vững ở tỉnh Đắk Lắk.

- Thực hiện chính sách trả tiền dịch vụ môi trường rừng góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ rừng, góp phần nâng cao nhận thức và gia tăng thu nhập cho các chủ rừng cũng như người dân nhận khoán bảo vệ rừng, làm giảm lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép,... Dịch vụ này được thực hiện tập trung chủ yếu ở các huyện: Lắk, Krông Bông, M'Drăk, Ea Kar,...

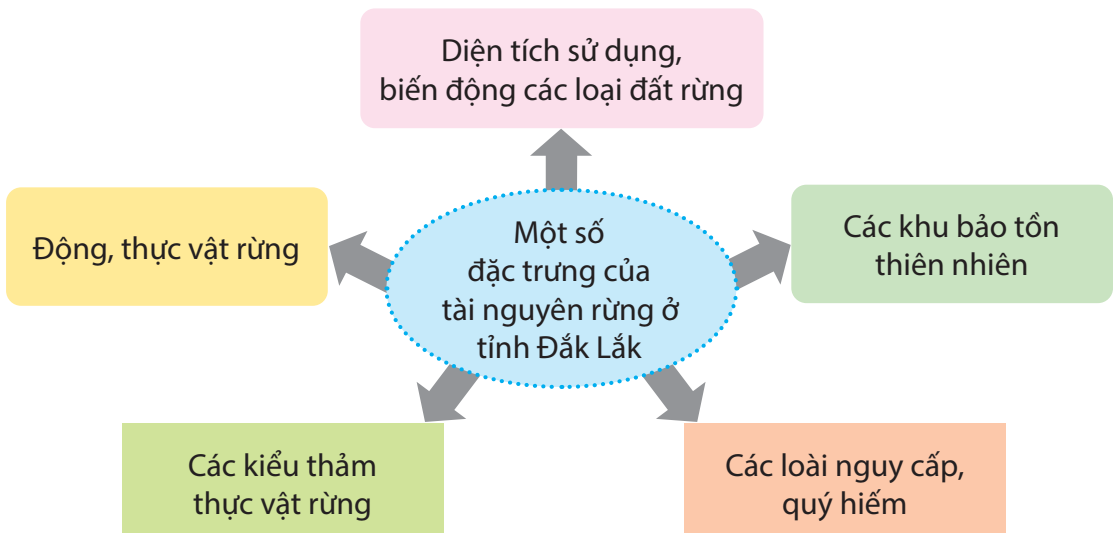
- Thực hiện mô hình quản lý rừng cộng đồng, các hộ dân ở vùng đệm Vườn quốc gia Chư Yang Sin cùng cán bộ nhân viên Vườn quốc gia tuần tra bảo vệ rừng góp phần kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng.

- Tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động gây nuôi động vật hoang dã và mua, bán, sử dụng động vật hoang dã, dẫn xuất của chúng có nguồn gốc trái phép trên địa bàn tỉnh.



Hình 12. Trồng rừng góp phần phủ xanh đất trống, đồi núi trọc tại huyện M'Drăk

- Trình bày một số đặc trưng của tài nguyên rừng ở tỉnh Đắk Lắk theo các nội dung gợi ý sau:

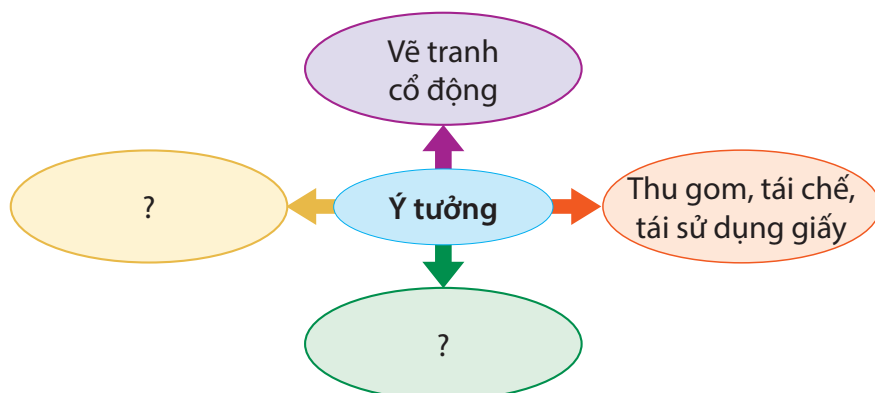


- Lựa chọn và trình bày một số biện pháp bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở tỉnh Đắk Lắk (tên biện pháp, ý nghĩa của biện pháp, ở địa phương nơi em sinh sống có thực hiện biện pháp này không?).



LUYỆN TẬP

1. Em hãy cùng các bạn xây dựng ý tưởng về việc tuyên truyền bảo vệ tài nguyên rừng ở Đắk Lắk theo các nội dung gợi ý sau:



2. Lựa chọn việc làm phù hợp với bản thân để thực hiện tuyên truyền bảo vệ rừng ở Đắk Lắk theo các gợi ý sau:

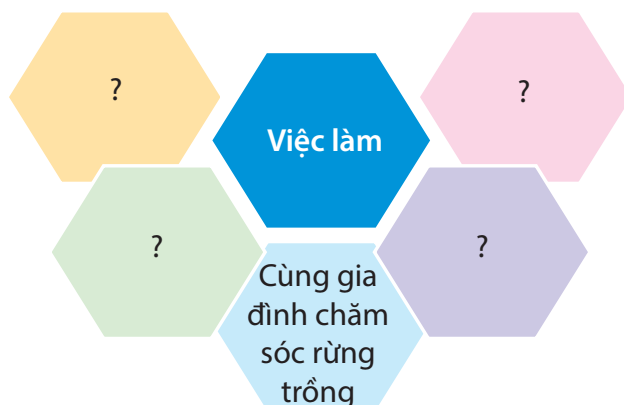
- Vẽ tranh cổ động về chủ đề “Bảo vệ rừng”.
- Cùng các bạn tham gia cuộc thi tái chế, tái sử dụng giấy vụn.



VẬN DỤNG

Lựa chọn một trong các nhiệm vụ sau để thực hiện:

- Viết một đoạn văn ngắn (10 - 15 câu) về sự gắn bó với tài nguyên rừng của người dân quê em.
- Đề xuất 5 việc làm phù hợp với bản thân để bảo vệ tài nguyên rừng ở Đắk Lắk theo gợi ý sau:



GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	TRANG (Số trang xuất hiện)
Truyền thống	Thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác.	6, 7, 8, 9, 10, 18, 19, 22, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 39, 40, 63, 64, 65
Tín ngưỡng	Niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng.	8
Thần Siva	Theo quan niệm của Ấn Độ cũng như người Chăm, là thần huỷ diệt và sáng tạo (huỷ diệt những cái xấu để tái tạo lại những cái mới, cái tốt đẹp, đem lại hạnh phúc cho muôn loài).	12
Mukhalinga (vị thần vĩ đại)	Linga có tạc hình mặt người gọi là Mukhalinga. Mukhalinga trên tháp Yang Prong ở Đắk Lắk tạc đầu thần Siva.	12
Rừng phòng hộ	Được sử dụng chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống sa mạc hoá, hạn chế thiên tai, điều hoà khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường. Rừng phòng hộ được phân thành các loại: rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay; rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển; rừng phòng hộ bảo vệ môi trường.	69
Rừng sản xuất	Rừng được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh gỗ, các lâm sản ngoài gỗ và kết hợp phòng hộ, góp phần bảo vệ môi trường.	59, 69
Rừng trồng	Rừng được hình thành do con người trồng mới trên đất chưa có rừng, cải tạo rừng tự nhiên, trồng lại hoặc tái sinh sau khai thác rừng trồng.	47, 59, 73

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Địa chí Đắk Lắk*, NXB Khoa học xã hội, 2015.
2. Trương Bi - Y Wron (2002), *Quả bầu vàng*, Sở Văn hoá - Thông tin Đắk Lắk.
3. Vũ Lâm - Trương Bi (2008), *Nhạc cụ dân gian Êđê, Mnông*, NXB Văn hoá dân tộc.
4. Trần Đức Ngôn (2011), *Tháp Chăm Yang Prong và hiện tượng xâm thực văn hoá*, Tạp chí *Nghiên cứu văn hoá*, Đại học Văn hoá Hà Nội.
5. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (1992), *Văn hoá dân gian Êđê*, NXB Văn hoá dân tộc.

NGUỒN TƯ LIỆU ẢNH

- Sở Văn hoá, Thể Thao và Du lịch Đắk Lắk (vhttdldaklak.gov.vn): Hình: 7.2
- Cổng thông tin điện tử thành phố Buôn Ma Thuột (buonmathuot.daklak.gov.vn): Các hình: 6.6, 11.3, 11.7
- Báo Đắk Lắk online (baodaklak.vn): Các hình: 9.3, 9.4, 10.7, 11.2, 11.8, 12
- Bản tin Đắk Lắk (daklak.city): Hình 11.5
- Bảo tàng Đắk Lắk (daklakmuseum.vn): Các hình: 2.1, 4.6, 7.1, 7.4
- doanhnghiephoinhap.vn: Hình 6.5
- dantocmiennui.vn: Hình 7.3
- dangcongsan.vn: Hình 8.2
- tn.ttn.edu.vn: Hình 8.4
- nguyenchatcafe.com: Hình 10.3
- tinhuygialai.org.vn: Hình 10.6
- vanhien.vn: Hình 10.9
- baovephapluat.vn: Hình 11.1
- hoclaixecaptoc.com: Hình 11.4
- congthuong.vn: Hình 11.6
- Vũ Lâm - Trương Bi (2008), *Nhạc cụ dân gian Êđê, Mnông*, NXB Văn hoá dân tộc: Các hình: 4.7, 4.10
- Huỳnh Ngọc La Sơn: Các hình: 4.1, 4.3, 4.6, 5.6
- Nguyễn Hữu Hùng: Các hình: 4.2, 4.4, 4.5
- Trần Thị Thương: Hình 4.9
- Nguyễn Thanh Lam: Các hình: 5.1, 5.2, 5.3, 5.4, 5.5
- Nguyễn Văn Minh: Hình 9.1
- Trần Ngọc Thanh: Hình 9.2

Tập thể tác giả biên soạn xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, ảnh được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.